

DANH MỤC TÀI LIỆU

HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024 CÔNG TY CỔ PHẦN NOSCO SHIPYARD



STT	Tên tài liệu
1.	Kịch bản chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024
2.	Nội dung thảo luận và biểu quyết tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024
3.	Quy chế tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024
4.	Nguyên tắc, thể lệ biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024
5.	Quy chế bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2019-2024
6.	Báo cáo kết quả SXKD năm 2023 và kế hoạch SXKD năm 2024
7.	Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024
8.	Báo cáo hoạt động của BKS năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024
9.	Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán
10.	Tờ trình thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024
11.	Tờ trình thông qua quỹ thù lao HĐQT, BKS năm 2024
12.	Tờ trình v/v miễn nhiệm 01 thành viên BKS; bầu bổ sung 01 thành viên BKS. <i>Kèm theo Tờ trình: Đơn từ nhiệm của 01 thành viên BKS; Văn bản đề cử ứng viên bầu bổ sung thành viên BKS; Sơ yếu lý lịch, bản cam kết của ứng viên, các văn bằng, chứng chỉ của ứng viên.</i>
13.	Mẫu Giấy ủy quyền tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 (<i>lưu ý: không bắt buộc dùng mẫu giấy ủy quyền này, các giấy ủy quyền khác có đủ nội dung sẽ được chấp nhận</i>)
14.	Dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024



CHƯƠNG TRÌNH HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN NOSCO SHIPYARD

Ngày 12 tháng 06 năm 2024

STT	Nội dung chương trình	Thời gian
1.	Đăng ký cổ đông dự họp	8h – 8h30
2.	Khai mạc cuộc họp ĐHĐCD thường niên, thông báo kết quả đăng ký cổ đông dự họp, điều kiện tổ chức phiên họp ĐHĐCD thường niên	8h30 – 8h40
3.	Bầu thư ký cuộc họp, Ban kiểm phiếu	8h40 – 8h50
4.	Thông qua nội dung chương trình họp ĐHĐCD thường niên	8h50 – 9h00
5.	Thông qua Quy chế tổ chức cuộc họp ĐHĐCD thường niên năm 2024; Nguyên tắc, thể lệ biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCD thường niên năm 2024; Quy chế bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2019-2024	9h00 – 9h10
6.	Thảo luận và biểu quyết thông qua Báo cáo thực hiện kế hoạch SXKD năm 2023, kế hoạch SXKD năm 2024	9h10 – 9h30
7.	Thảo luận và biểu quyết thông qua Báo cáo hoạt động của HDDQT năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024	9h30 – 9h50
8.	Thảo luận và biểu quyết thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024	9h50 – 10h10
9.	Thảo luận và biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 (Đã được kiểm toán)	10h10 – 10h20
10.	Thảo luận và biểu quyết thông qua phê duyệt quỹ thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2024	10h20- 10h30
11.	Thảo luận và biểu quyết thông qua Tờ trình V.v lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024	10h30 – 10h40
12.	Bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát	10h40-11h00
13.	Thông qua Biên bản họp và Nghị quyết phiên họp ĐHĐCD thường niên năm 2024	11h – 11h15



**NỘI DUNG THẢO LUẬN VÀ BIỂU QUYẾT
TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN NOSCO SHIPYARD**

Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên Công ty cổ phần Nosco Shipyard năm 2024 dự kiến thảo luận và biểu quyết các nội dung sau đây:

1. Thông qua Báo cáo thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty năm 2023; thông qua phương hướng nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2024 và các giải pháp thực hiện;
2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 (đã được kiểm toán);
3. Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2023 và kế hoạch năm 2024;
4. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023 và kế hoạch năm 2024;
5. Thông qua Tờ trình về thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2024;
6. Thông qua Tờ trình v/v lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024;
8. Thông qua Tờ trình v/v miễn nhiệm thành viên BKS và bầu thành viên BKS thay thế của nhiệm kỳ 2019-2024;
9. Các nội dung khác được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận (nếu có).

**QUY CHẾ TỔ CHỨC CUỘC HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN NOSCO SHIPYARD**



Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Nosco Shipyards do Hội đồng quản trị Công ty triệu tập căn cứ theo quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, có hiệu lực kể từ ngày 1/1/2021 và quy định tại Mục 1 Chương IV Điều lệ Công ty cổ phần Nosco Shipyards được ĐHĐCĐ thông qua ngày 31/8/2022.

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh

Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông này được sử dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần NOSCO SHIPYARD (sau đây gọi tắt là “Công ty”).

Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 2: Đối tượng áp dụng

Cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

**CHƯƠNG II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI**

Điều 3: Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông

3.1 Điều kiện tham dự

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty có tên trong danh sách cổ đông có quyền dự họp tại Thông báo số 27.03/2023/TB-HĐQT v/v chốt danh sách cổ đông dự họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 ngày 27/03/2024 hoặc những người được ủy quyền hợp lệ có quyền tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần NOSCO SHIPYARD.

3.2 Quyền của các cổ đông/người được ủy quyền hợp lệ đủ điều kiện khi tham dự Đại hội

- Được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
- Được uỷ quyền bằng văn bản cho người đại diện thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Được Ban tổ chức Đại hội thông báo công khai toàn bộ nội dung chương trình Đại hội và các tài liệu kèm theo. Tất cả cổ đông đủ điều kiện được tham gia ý kiến trực tiếp hoặc thông qua đại diện uỷ quyền của mình. Tất cả các ý kiến tham gia phù hợp với nội dung chương trình Đại hội đều được thảo luận tại Đại hội đồng cổ đông;

- Tại Đại hội đồng cổ đông, mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi tới tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải mang theo Giấy mời họp, Giấy tờ tùy thân (CMND hoặc Căn cước công dân (CCCD) hoặc hộ chiếu,...) và Giấy ủy quyền (đối với trường hợp được ủy quyền) cho Ban Kiểm tra tư cách cổ đông và được nhận một Thẻ biểu quyết, một Phiếu biểu quyết và một Phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị (HDQT). Giá trị biểu quyết của Phiếu biểu quyết mà cổ đông, đại diện cổ đông đó nắm giữ tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự Đại hội;
- Các cổ đông, đại diện cổ đông khi tới dự cuộc họp Đại hội sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua từng phần bằng biểu quyết;
- Các cổ đông có quyền đưa ra ý kiến của mình về các nội dung của Đại hội tại phần thảo luận bằng cách giơ tay phát biểu hoặc ghi câu hỏi ra giấy;
- Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký ngay và có quyền tham gia biểu quyết ngay tại Đại hội sau khi đăng ký xong đối với các vấn đề chưa biểu quyết, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cổ đông đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

3.3 Nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông khi tham dự Đại hội

- Tham gia hoặc ủy quyền tham gia Đại hội theo quy định của Công ty;
- Tuân thủ các quy định tại Quy chế này;
- Các cổ đông hay đại diện cổ đông khi tới tham dự cuộc họp phải mang theo Thư mời họp, Giấy tờ tùy thân (CMND hoặc hộ chiếu,...) và Giấy ủy quyền hợp lệ (đối với trường hợp được ủy quyền) xuất trình cho Ban Kiểm tra tư cách cổ đông và phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức Đại hội;
- Việc ghi âm, ghi hình Đại hội phải được thông báo công khai và được sự chấp thuận của Chủ tọa Đại hội;
- Phát biểu và biểu quyết phù hợp với hướng dẫn của Ban Tổ chức Đại hội và tôn trọng sự điều khiển Đại hội của Chủ tọa Đại hội;
- Nghiêm túc chấp hành nội quy tại Đại hội, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

Ban kiểm tra tư cách cổ đông do Ban tổ chức đề cử. Ban kiểm tra tư cách cổ đông có chức năng và nhiệm vụ sau:

- Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự họp: Yêu cầu cổ đông tham dự Đại hội xuất trình Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu, Giấy mời họp, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền)
- Phát các tài liệu, Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử thành viên HDQT;
- Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội.

Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của Ban tổ chức, Chủ tọa và Thư ký

- 5.1** Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Chủ tọa sẽ cử Ban Thư ký và tiến hành bầu Ban kiểm phiếu.
- 5.2** Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
- 5.3** Chủ tọa Đại hội có thể tiến hành các công việc mà Chủ tọa thấy là cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.
- 5.4** Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa Đại hội cũng có thể trì hoãn Đại hội đến một thời điểm khác và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:
- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp; hoặc
 - Sự trì hoãn là cần thiết để công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.
- Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.
- 5.5** Ban thư ký do Chủ tọa Đại hội cử thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Đoàn chủ tọa.

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu

Chủ tọa Đại hội sẽ đề cử các thành viên Ban kiểm phiếu và tổ chức lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Đoàn Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ hướng dẫn cách sử dụng Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử thành viên HĐQT, thẻ thức biểu quyết, kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông và đại diện cổ đông, tổ chức kiểm phiếu, lập Biên bản kiểm phiếu và công bố trước Đại hội. Mọi công việc kiểm tra, lập Biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu phải được Ban kiểm phiếu làm việc trung thực, chính xác và chịu trách nhiệm về kết quả đó.

CHƯƠNG III TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 7: Điều kiện tiến hành Đại hội

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông/đại diện của cổ đông dự họp đại diện trên 50% số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông có quyền dự họp.

Điều 8: Cách thức tiến hành Đại hội

Đại hội sẽ được tổ chức làm một buổi và thông qua các nội dung với phương thức biểu quyết như sau:

01302
CÔNG T
CỔ PHẦN
CƠ SHIP
YÊN - T

- 8.1.** Biểu quyết bằng cách giơ THẺ BIỂU QUYẾT khi Chủ tọa đề nghị biểu quyết thông qua các vấn đề sau:
- Ban Kiểm phiếu; Thư ký Đại hội
 - Chương trình Đại hội;
 - Quy chế tổ chức Đại hội;
 - Nguyên tắc và thể lệ biểu quyết;
 - Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
 - Biên bản, Nghị quyết Đại hội.
- 8.2.** Biểu quyết bằng PHIẾU BIỂU QUYẾT khi Chủ tọa đề nghị biểu quyết thông qua các vấn đề trong chương trình nghị sự như sau:
- Báo cáo thực hiện kế hoạch SXKD năm 2023 của Công ty; phương hướng nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2024 của Công ty và các giải pháp thực hiện;
 - Báo cáo tài chính năm 2023 (đã được kiểm toán);
 - Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2023 và kế hoạch năm 2024;
 - Báo cáo hoạt động của BKS năm 2023 và kế hoạch năm 2024;
 - Mức tiền thù lao của thành viên HĐQT và thành viên BKS năm 2024;
 - Việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024;
 - Miễn nhiệm chức danh thành viên BKS đối với 01 thành viên BKS và bầu 01 thành viên BKS thay thế của nhiệm kỳ 2019-2024;
 - Các nội dung khác được ĐHĐCĐ chấp thuận đưa vào chương trình nghị sự tại cuộc họp (nếu có).
- 8.3.** Bầu cử thành viên Hội đồng quản trị bằng Phiếu bầu khi Chủ tọa đề nghị bầu thành viên Hội đồng quản trị.

Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

CHƯƠNG IV KẾT THÚC ĐẠI HỘI

Điều 9: Thông qua quyết định của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Các nội dung thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và

biểu quyết tại cuộc họp tán thành; ngoại trừ việc bầu bổ sung thành viên HĐQT theo phương thức bầu dồn phiếu.

Điều 10: Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được thư ký Đại hội ghi vào Biên bản Đại hội. Biên bản Đại hội được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và được lưu giữ vào sổ biên bản của Công ty tại trụ sở chính Công ty. Biên bản Đại hội đồng cổ đông sẽ được gửi đến Công ty cổ phần Nosco Shipyard để đăng tải trên website và gửi cho cổ đông theo quy định tại Điều lệ.

**CHƯƠNG V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 11: Hiệu lực thi hành

Quy chế này gồm 5 Chương 11 Điều, có hiệu lực thi hành kể từ khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần NOSCO SHIPYARD thông qua.

Quảng Ninh, ngày 25 tháng 4 năm 2024

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Vũ Mạnh Tùng





**NGUYÊN TẮC, THẺ LỆ BIỂU QUYẾT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN NOSCO SHIPYARD**

Nguyên tắc, thẻ lệ biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 (sau đây gọi tắt là “**Đại hội**”) của Công ty cổ phần Nosco Shipyard (sau đây gọi tắt là “**Công ty**”) được Đại hội thông qua với nội dung cụ thể như sau:

I. Nguyên tắc biểu quyết

- Đúng Điều lệ, đúng luật và chính xác.
- Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông biểu quyết bằng cách bỏ phiếu biểu quyết theo hướng dẫn của ban bầu cử và kiểm phiếu.
- Mỗi cổ đông có số cổ phần biểu quyết được tính bằng số cổ phần mà người đó sở hữu và đại diện sở hữu do được ủy quyền.
- Phiếu biểu quyết chỉ có giá trị nếu phiếu đó hợp lệ theo quy định.
- Cổ đông biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết đối với các nội dung chính của Đại hội. Cách thức biểu quyết được quy định cụ thể tại Mục II dưới đây. Kết quả biểu quyết được tính theo tỷ lệ % giữa tổng số cổ phần của các phiếu biểu quyết hợp lệ và tổng số cổ phần của tất cả các cổ đông hoặc đại diện cổ đông dự họp và tham gia biểu quyết, ngoại trừ việc bầu bổ sung thành viên HĐQT theo phương thức bầu dồn phiếu.
- Trường hợp biểu quyết thông qua Chủ tọa, Ban thư ký, Ban Bầu cử và kiểm phiếu, nội dung Đại hội, Quy chế tổ chức Đại hội, Nguyên tắc thẻ lệ biểu quyết, Biên bản và Nghị quyết Đại hội và một số nội dung phát sinh ngay tại Đại hội cần thống nhất sẽ được biểu quyết thông qua Thẻ biểu quyết. Cổ đông biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết theo sự điều khiển của Chủ tọa để lấy ý kiến biểu quyết: Tán thành hoặc Không tán thành hoặc Không có ý kiến. Kết quả được lấy theo ý kiến đa số và sẽ được Ban tổ chức công bố ngay sau khi biểu quyết từng nội dung.

II. Cách thức biểu quyết

1. Quy định chung

- Biểu quyết thông qua các nội dung tại Đại hội được tiến hành công khai, trực tiếp theo sự điều hành của Chủ tọa Đại hội và chỉ sử dụng các Phiếu biểu quyết do Ban tổ chức Đại hội phát hành.
- Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông (sau đây gọi tắt là cổ đông) tham gia dự Đại hội cổ đông có quyền biểu quyết sẽ được phát phiếu biểu quyết. Phiếu biểu quyết được thu bởi các thành viên của Ban Bầu cử và kiểm phiếu và được kiểm phiếu, lập biên bản ngay sau khi thu.
- Thông tin in trên phiếu biểu quyết:
 - + Họ và tên cổ đông, hoặc người đại diện ủy quyền của cổ đông.
 - + Số cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu: Là tổng số cổ phần có quyền biểu quyết do cổ đông đại diện.
 - + Nội dung biểu quyết.
- Phân loại phiếu biểu quyết:
 - + Phiếu biểu quyết hợp lệ: là phiếu theo mẫu do Ban tổ chức phát ra tại Đại hội, Phiếu không bị rách, gạc, tẩy xóa, sửa chữa; Phiếu không được ghi thêm những thông tin

khác, thêm ký hiệu và phải có chữ ký của đại biểu tham dự Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (tờ trình, báo cáo) hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết: tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

+ Phiếu biểu quyết không hợp lệ: là phiếu không do Ban tổ chức phát ra; Phiếu bị rách, gạc, tẩy xóa, sửa chữa; Phiếu ghi thêm những thông tin khác, thêm ký hiệu; Phiếu không có chữ ký của cổ đông/đại diện cổ đông; Phiếu có ghi nhiều ý kiến khác nhau trong cùng một nội dung biểu quyết thì phần biểu quyết đó không hợp lệ. Việc biểu quyết đối với từng nội dung cần thông qua trong Phiếu biểu quyết độc lập với nhau và tính hợp lệ của phần biểu quyết nội dung này không làm ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các nội dung biểu quyết khác.

2. Cách thức biểu quyết.

- Nếu đồng ý vấn đề biểu quyết thì cổ đông đánh dấu nhân (X) vào ô “Tán thành”.
- Nếu không đồng ý vấn đề biểu quyết thì cổ đông đánh dấu nhân (X) vào ô “Không tán thành”.
- Nếu không có ý kiến về vấn đề biểu quyết thì cổ đông đánh dấu nhân (X) vào ô “Không có ý kiến”.
- Các vấn đề đưa ra biểu quyết, mỗi cổ đông chỉ sử dụng Phiếu biểu quyết mà trên Phiếu đã được ghi rõ các nội dung cần biểu quyết tại Đại hội.
- Chọn một trong ba ý kiến biểu quyết: **Tán thành** hoặc **Không tán thành** hoặc **Không có ý kiến**.

3. Tổng hợp kết quả.

- Trưởng Ban kiểm phiếu có trách nhiệm thông báo kết quả biểu quyết cho Đại hội với từng vấn đề biểu quyết.
- Kết quả biểu quyết phải được ghi vào biên bản Đại hội đồng cổ đông.

III. Thông qua kết quả biểu quyết.

1. Các nội dung trình Đại hội được thông qua khi có sự chấp thuận của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội với tỷ lệ theo quy định trong Điều lệ của Công ty và quy định của Luật Doanh nghiệp.
2. Các vấn đề liên quan đến thủ tục tổ chức, điều hành Đại hội đồng cổ đông: quyết định của chủ tọa là quyết định cuối cùng và các cổ đông tham dự đều phải tuân theo.

IV. Hiệu lực.

Nguyên tắc, Thẻ lệ biểu quyết có hiệu lực ngay khi được Đại hội thông qua và được áp dụng tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Quảng Ninh, ngày 25 tháng 04 năm 2024



Vũ Mạnh Tùng

QUY CHẾ BẦU CỬ

BỔ SUNG THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2019 - 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN NOSCO SHIPYARD

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Nosco Shipyards tiến hành bầu cử bổ sung thành viên Ban Kiểm Soát (“BKS”) (nhiệm kỳ 2019 - 2024) theo các nội dung dưới đây:

ĐIỀU 1: Đối tượng thực hiện bầu cử

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội.

ĐIỀU 2: Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS

Căn cứ theo Điều 169 Luật Doanh nghiệp 2020:

- Từ 22 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp 2020;
- Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, hiểu biết pháp luật;
- Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;
- Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

ĐIỀU 3: Số lượng thành viên BKS được bầu

Bầu bổ sung 01 (một) thành viên BKS.

ĐIỀU 4: Hồ sơ tham gia ứng cử thành viên BKS

Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử BKS bao gồm:

- Văn bản đề cử, ứng cử thành viên BKS;
- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai;
- Bản cam kết của ứng viên;
- Bản sao có công chứng: CMND, hộ khẩu thường trú, các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hoá và trình độ chuyên môn của ứng cử viên.

ĐIỀU 5: Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

*** Phiếu bầu và ghi phiếu bầu.**

- Phiếu bầu được in thống nhất, có tổng số quyền biểu quyết theo mã số cổ đông;
- Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền được phát phiếu bầu thành viên BKS theo mã số cổ đông;
- Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác;



- Cổ đông phải tự mình ghi số quyền biểu quyết bầu cho từng ứng cử viên vào ô trống của ứng cử viên đó trên phiếu bầu. Trong trường hợp ủy quyền hợp lệ (có giấy ủy quyền), người được ủy quyền có đầy đủ quyền biểu quyết.

*** Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ**

- Phiếu không do Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 phát ra;
- Phiếu gạch xoá, sửa chữa, ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;
- Phiếu có tổng số quyền biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số quyền biểu quyết của cổ đông đó sở hữu/được ủy quyền.

ĐIỀU 6: Phương thức bầu cử

- Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu;
- Mỗi cổ đông có tổng số quyền biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu bổ sung của Hội đồng quản trị;
- Cổ đông có thể dồn hết tổng số quyền biểu quyết cho một hoặc một số ứng cử viên.

ĐIỀU 7: Ban Kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

*** Ban Kiểm phiếu**

- Ban Kiểm phiếu do Ban tổ chức đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm:
 - + Thông qua Quy chế bầu cử;
 - + Giới thiệu phiếu và phát phiếu bầu;
 - + Tiến hành kiểm phiếu;
 - + Công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.
- Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào BKS.

*** Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu**

- Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;
- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;
- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;
- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

ĐIỀU 8: Nguyên tắc bầu dồn phiếu, nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT

*** Nguyên tắc bầu dồn phiếu:** Theo hướng dẫn quy định tại phụ lục đính kèm theo Quy chế này.

- Nguyên tắc trúng cử:

+ Người trúng cử thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu cao nhất tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên BKS.

+ Trường hợp có những ứng cử viên đạt số phiếu bầu ngang nhau thì sẽ tổ chức bầu lại riêng các ứng viên có số phiếu ngang nhau để chọn người có số phiếu cao hơn.

+ Nếu sau hai lần bầu cử mà vẫn không chọn đủ số thành viên BKS theo yêu cầu thì ĐHĐCĐ có thể biểu quyết để khuyết thành viên BKS và bầu bổ sung trong kỳ họp ĐHĐCĐ tiếp theo.

ĐIỀU 9: Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

- Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số quyền biểu quyết của cổ đông tham gia dự họp (theo phương thức bầu dồn phiếu), số và tỉ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ, phiếu trống; số và tỉ lệ quyền biểu quyết cho từng ứng cử viên vào BKS;

- Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

ĐIỀU 10: Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu nếu có phải được trình bày trong Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. Chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông.

Quy chế này gồm có 10 điều và được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông để biểu quyết thông qua.

Quảng Ninh, ngày 25 tháng 4 năm 2024

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Vũ Mạnh Tùng

PHỤ LỤC

HƯỚNG DẪN BẦU DÒN PHIẾU

(*) Theo khoản 3 điều 148 của Luật doanh nghiệp 2020 quy định: “Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên”.

Như vậy, nếu bầu bổ sung thành viên HĐQT:

- Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024, số thành viên HĐQT được bầu bổ sung là 01 thành viên
- Ví dụ: Cổ đông A đang sở hữu 100 cổ phần thì số phiếu biểu quyết bầu cử thành viên HĐQT: $100 \times 1 = 100$ phiếu

Mỗi cổ đông tiến hành chọn ứng cử viên bằng cách ghi số phiếu biểu quyết của mình cho từng ứng cử viên mình chọn sao cho tổng cộng số phiếu biểu quyết cho tất cả ứng cử viên mà cổ đông chọn không lớn hơn tổng phiếu biểu quyết của cổ đông. Cổ đông có thể dồn hết số phiếu cho 01 ứng cử viên hoặc chia ra cho một số ứng cử viên.



CÔNG TY CP
CỔ PHẦN
NOSCO SHIPYARD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 15 tháng 05 năm 2024

BÁO CÁO

KẾT QUẢ SX-KD NĂM 2023 VÀ KẾ HOẠCH SX-KD NĂM 2024 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TY CP NOSCO SHIPYARD

Phần thứ nhất: ĐÁNH GIÁ CHUNG CÔNG TÁC SXKD NĂM 2023

1. Báo cáo kết quả SX- KD năm 2023

Trong năm 2023 Công ty Nosco tận dụng cơ hội thị trường đã tập trung mạnh mẽ vào thị trường khách hàng nước ngoài đã mang lại giá trị hợp đồng và lợi nhuận cao hơn hẳn so với đội tàu nội.

Bảng so sánh KQKD năm 2022 với năm 2023 như sau:

Chỉ tiêu	KQKD năm 2022			KQKD năm 2023			So sánh tỷ lệ giá trị hợp đồng 2023 so với 2022
	Doanh thu trước thuế	Tỷ lệ	Lượt tàu	Doanh thu VNĐ	Tỷ lệ	Lượt tàu	
Tàu nước ngoài	348,338	59	29	216,959	37	28	62
Tàu trong nước	248,578	41	39	373,941	63	67	150
Tổng cộng	593,795	100	68	590,900	100	95	

Tổng doanh thu cả năm đạt được trên 590 tỷ đồng, trong đó giá trị sửa chữa tàu ngoài đạt 217 tỷ đồng chiếm 37% doanh thu cả năm 2023. Doanh thu tàu nội đạt trên 374 tỷ đồng chiếm 63% doanh thu cả năm.

So sánh doanh thu năm 2023 với năm 2022, thì tổng số tàu ký hợp đồng sửa chữa tăng 27 tàu, doanh thu đạt trên 590 tỷ đồng tương đương với doanh thu năm 2022.

Năm 2023 là một năm tương đối khó khăn đối với Công ty Nosco do có sự cố về sản phẩm vào tháng 6 khiến toàn bộ công việc sửa chữa tàu bị trì trệ, kết hợp với sự cố tai nạn lao động đầu năm.

2. Công tác quản lý chất lượng

Các tổ chức đăng kiểm hiện nay đang hợp tác với chủ tàu lên dock tại Nhà máy gồm có: VR, NK, ABS, KR, BV, ... trong đó có nhiều tàu mang lưỡng cấp đăng kiểm. Công ty luôn đảm bảo tuân thủ quy trình và chất lượng sửa chữa thỏa mãn yêu cầu của khách hàng.

3. Công tác quản lý cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ sản xuất.

Để đảm bảo các hoạt động sản xuất kinh doanh liên tục ổn định cho Nhà máy và quá trình hợp tác với khách hàng thì toàn bộ hệ thống cơ sở vật chất và máy móc thiết bị phục vụ sản xuất của Công ty luôn được quan tâm hàng đầu và bảo quản duy tu duy trì đảm bảo luôn hoạt động thường xuyên liên tục.

Hệ thống sản nâng, tời, hệ thống dịch chuyển tàu đảm bảo vận hành an toàn, đúng kỹ thuật để đưa lên dock và hạ thủy theo đúng tiến độ sản xuất, thực hiện đăng kiểm và cấp giấy chứng nhận theo yêu cầu.

Các thiết bị, phương tiện nâng hạ và di chuyển, máy móc, cầu tải ... phục vụ sửa chữa tàu luôn được theo dõi bảo dưỡng, sửa chữa theo định kỳ và bảo dưỡng khi sự cố đảm bảo tiến độ thi công.

Căn cứ vào tình hình thực tế hệ thống cơ sở vật chất hiện nay, Bộ phận quản lý thiết bị luôn thực hiện duy tu bảo dưỡng các hệ thống thiết bị, máy móc, dụng cụ, cơ sở vật chất phục vụ sản xuất hàng ngày đảm bảo vận hành trơn tru hệ thống phục vụ sản xuất, đảm bảo tiến độ với khách hàng. Kết hợp cải tiến, hoán cải các máy móc thiết bị để phù hợp với điều kiện và yêu cầu ngày càng lớn về công tác phục vụ sản xuất.

Phần thứ hai: KẾ HOẠCH SX- KD NĂM 2024

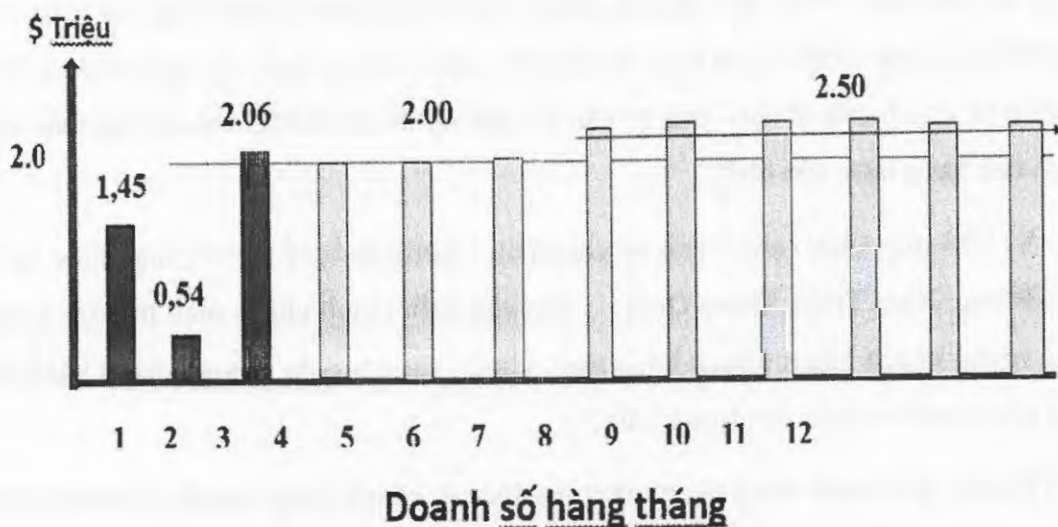
1. Kế hoạch doanh thu năm 2024.

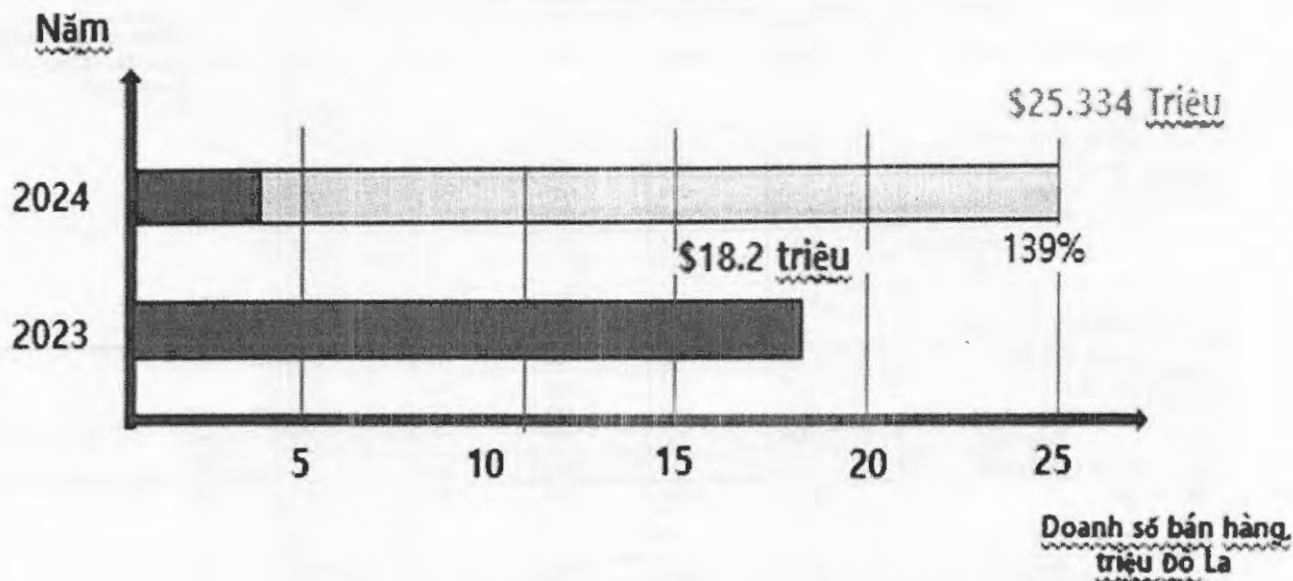
Phát huy năng lực, kinh nghiệm hiện nay và căn cứ theo tình hình nhu cầu thị trường, Công ty Nosco phấn đấu đạt giá trị hợp đồng và lượt tàu vào sửa chữa trong năm 2024 như sau:

Mô tả	Year 2024 Plan					Tỷ lệ	Ghi chú
	Giai đoạn 1 (kết quả)	Giai đoạn 2	Giai đoạn 3	Giai đoạn 4	Tổng		
Doanh thu bán hàng	4.109	6.075	7.075	8.075	25.334	100%	Được xem xét từ tháng Tâm đến tháng Chín (mùa mưa)
Chi phí sản xuất	Chi phí Vật liệu	341	609	709	809	2.468	10%
	Chi phí Nhân công	1.236	1.216	1.411	1.615	5.478	22%
	Chi phí Chi phí việc nhận thầu	316	609	709	809	2.443	10%
	Chi phí Chi phí	533	546	637	726	2.442	10%
	Chi phí Khấu hao	1.659	1.794	1.794	1.794	7.041	28%
	Chi phí Tiêu hao và các	243	546	637	726	2.152	8%
	Tổng	2.751	3.495	3.777	4.055	14.078	56%
Tổng	4.328	5.320	5.897	6.479	22.024	87%	
Lợi nhuận/ lỗ Vận hành	-219	755	1.178	1.596	3.310	13%	
Chi phí quản lý	Lương giám đốc	82	66	74	86	308	1%
	Chi phí quản lý	273	123	143	163	702	2%
	Lương nhân viên Hàn Quốc	181	543	543	543	1.810	7%
	Tổng cộng	536	732	757	792	2.817	11%
Lợi nhuận/ lỗ Gộp	-755	23	421	804	493	2%	
Chi phí tài chính	Lãi	2.944	3.009	3.009	3.009	11.971	47%
	Chi phí khác	4	6	6	6	22	
	Tổng cộng	2.948	3.015	3.015	3.015	11.993	
Khác	Chi phí tiêu thụ	52	123	141	163	479	
	Chi phí khác	-83	-90	-90	-90	-353	
	Tổng cộng	-31	33	51	73	126	
Tổng	7.781	9.100	9.720	10.359	36.960	146%	

Trong năm 2024 Nhà máy dự kiến doanh thu sửa chữa đạt giá trị 25.334 triệu đô la Mỹ. Trung bình mỗi tháng tiếp nhận 7-9 tàu giá trị doanh thu dự tính từ 6 triệu đô la Mỹ mỗi tháng.

Tổng số lượng và giá trị doanh thu tàu nội và tàu ngoại theo tháng dự kiến như sau:





DOANH SỐ NĂM 2023 VÀ 2024

Năm 2024, Nhà máy đã dần ổn định chất lượng và tiến độ sửa chữa tàu cùng các chính sách hợp tác với đại lý được đảm bảo, phần đầu doanh thu tàu nội và ngoại là 25.334 triệu đô la Mỹ, mang lại doanh thu và lợi nhuận cao hơn năm trước.

2. Tình hình thị trường và năng lực Nhà máy hiện nay

2.1. Tình hình thị trường.

- Trước tình hình số lượng tàu có nhu cầu sửa chữa trong nước sẽ tăng lên và nâng cấp trọng tải tàu lớn hơn trước đây nhưng nhiều hoạt động kinh doanh vận tải hàng hóa bị ảnh hưởng bởi tình hình chính trị và kinh tế thế giới, chiến tranh, thiên tai, giá nhiên liệu bất ổn đã đẩy nguồn tài chính của nhiều Công ty vận tải gặp nhiều khó khăn nên sẽ tính toán chặt chẽ và cắt giảm các hạng mục sửa chữa.

- Vì Nhà máy phải cạnh tranh về giá cả thị trường quốc tế như Trung Quốc và Việt Nam như Phà Rừng, Nam Triệu, Dung Quất,... nên cần điều chỉnh chính sách hợp tác và giá hợp lý với từng nhóm khách hàng: khách hàng mới, khách hàng truyền thống, khách hàng lớn, khách hàng có nhu cầu sửa chữa lớn trong năm,...

Tiếp tục đẩy mạnh công tác marketing đối với khách hàng lớn tại thị trường trong nước và quốc tế và tìm kiếm các nhu cầu sửa chữa. Công tác tiếp thị qua truyền thông các hình ảnh

đặc sắc, clip sửa chữa tàu làm các tài liệu có hiệu quả tiếp thị tốt đối với khách hàng nội địa và quốc tế.

Duy trì mối quan hệ tốt đẹp đã có và phát huy hiệu quả các chính sách kinh doanh với các Đại lý môi giới tại Hy Lạp, Singapore, Nhật Bản, để tìm kiếm nhiều tàu nước ngoài vào sửa chữa cùng với các Công ty quản lý tàu đã nhiều lần vào sửa chữa tại Nhà máy như Anglo Eastern (Singapore), BSM, Laskaridis shipping (Hy Lạp), Gold Bridge Shipping Ltd (Singapore) UMMS (Ấn Độ), Dockendale (Ấn độ) để tạo nên nguồn khách hàng ổn định lâu dài cho Nosco.

2.2. Chất lượng và tiến độ sửa chữa tàu hiện nay:

Với sự nỗ lực cải tiến trong quý 4.2023, Công ty đã đẩy mạnh nâng cao chất lượng sửa chữa, đẩy nhanh tiến độ, đảm bảo an toàn các dự án thi công. Khách hàng bắt đầu tin tưởng và tiếp tục hợp tác với Nhà máy.

Khách hàng đánh giá cao quy trình vận hành của Nhà máy đã được cải tiến cùng với sự nhiệt huyết của cán bộ công nhân viên, tay nghề người lao động đã được đào tạo nâng cao, hệ thống cơ sở vật chất máy móc thiết bị đã được đầu tư nâng cấp, môi trường lao động đã đảm bảo vệ sinh, đời mới.

Các cán bộ quản lý có nhiều kinh nghiệm, tay nghề và trình độ ngoại ngữ đều đáp ứng được tất cả các công việc mà khách hàng yêu cầu.

3. Các công tác phục vụ chất lượng sửa chữa và đảm bảo tiến độ.

a. Công tác đảm bảo an toàn lao động sản xuất kinh doanh luôn được quan tâm ưu tiên hàng đầu trong mọi hoạt động của Nhà máy.

b. Công tác duy tu cải tiến cơ sở vật chất, hệ thống máy móc thiết bị phun sơn bắn cát, hệ thống sàn nâng, hào ngang dịch chuyên, các thiết bị phân xưởng, ... luôn được đảm bảo kế hoạch bảo dưỡng kịp thời, hoạt động hiệu quả.

c. Nâng cao tay nghề, hiệu quả năng suất người lao động, đảm bảo tiền lương cho người lao động phản ánh đúng tính chất, tính trách nhiệm trong công việc của người lao động, quy chế trả lương và phân phối tiền thưởng phù hợp với điều kiện thực tế của công ty.

d. Đảm bảo hệ thống quy trình, quy chế của Công ty hoạt động chuyên nghiệp, tinh gọn, tạo nên sự yên tâm làm việc cho toàn thể cán bộ công nhân viên toàn Công ty.

e. Nguồn vật tư, nguyên liệu cung ứng cho sản xuất đảm bảo kịp thời, chính xác, tiết kiệm và hiệu quả cho Công ty.

4. Công tác tài chính

4.1 Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

- Tiền và các khoản tương đương tiền đến 31/12/2023 với số dư là: **12.778.912.584** triệu đồng tương đương bằng 0,35% tổng tài sản.
- Các khoản phải thu khách hàng là: **47.017** triệu đồng và trả trước người bán là: **230.558** triệu đồng
- Nguyên giá Tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2023 là **4.511.389** triệu đồng (trong đó đã khấu hao **1.234.289** triệu đồng, giá trị còn lại **3.277.100** triệu đồng) được theo dõi tới từng đối tượng.
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại thời điểm 31/12/2023 là **119.902** triệu đồng.
- Tài sản dài hạn khác tại thời điểm 31/12/2023 là **37.042** triệu đồng bao gồm chi phí trả trước dài hạn **37.042** triệu đồng.

+ Bố trí cơ cấu tài sản:

Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản năm 2023 là: 5.31%; cùng kỳ năm 2022 là 3,85%

Tài sản dài hạn/Tổng tài sản năm 2023 là: 94,69%; cùng kỳ năm 2022 là 96,15%

+ Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản

Chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trước thuế : -6.29 %

Chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận sau thuế : -6.29 %

- Nợ phải trả có số dư tại 31/12/2023 là : **6.313.898** triệu đồng

Trong đó: + Nợ ngắn hạn: **3.441.395** triệu đồng

+ Nợ dài hạn: **2.872.503** triệu đồng - chỉ tiêu này thể hiện trên Báo cáo

tài chính của Công ty là các khoản vay dài hạn và lãi vay để phục vụ dự án nhà máy sửa chữa tàu biển Nosco Shipyard.

4.2 Kết quả sản xuất kinh doanh

Kết quả kinh doanh trong năm 2023 của Công ty như sau:

+ Tổng doanh thu là: **597.570 triệu đồng**

Trong đó:

Doanh thu cung cấp dịch vụ sửa chữa tàu là: **590.900 triệu đồng**

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê và dịch vụ khác là: 5.612 triệu đồng

Doanh thu tài chính - lãi CLTG là: **267 triệu đồng**

Doanh thu khác là: **791 triệu đồng**

+ Lợi nhuận trước thuế lỗ: 288.208 triệu đồng.

Kết quả kinh doanh năm 2023 của Công ty lỗ do các nguyên nhân chính sau đây:

Lỗ do chi phí lãi vay phải trả: **315.701 triệu đồng**

Lỗ do trích khấu hao TSCĐ: **182.731 triệu đồng**

Trước thực tế khó khăn do cơ sở vật chất, hạ tầng, thiết bị máy móc... đã xuống cấp nghiêm trọng, nguồn nhân lực còn thiếu nên hiệu quả SXKD chưa cao. Ngoài những chính sách thiết thực và cụ thể như cắt giảm chi phí, thắt chặt định mức và liên tục rà soát định mức tiêu hao vật tư Công ty còn không ngừng đào tạo và nâng cao tay nghề của CBCNV. Đề nghị các tổ chức tín dụng hỗ trợ các cơ chế khoanh. giãn nợ cũng đã được Công ty triển khai.

5. Một số giải pháp cụ thể:

Mục tiêu, chiến lược phát triển của Công ty năm 2024 là xây dựng và phát triển thương hiệu sửa chữa tàu biển tải trọng đến 80.000DWT của Công ty Nosco ngày càng chuyên nghiệp, uy tín và có sức cạnh tranh trên thị trường sửa chữa tàu biển của Việt Nam và thế giới. Một số giải pháp cần thực hiện như sau:

Thứ nhất, Nhà máy cần đẩy nhanh tiến độ sửa chữa, đảm bảo chất lượng sửa chữa và công tác an toàn sửa chữa, thực hiện đúng cam kết kế hoạch đã đề ra, tạo uy tín và thế mạnh cho Nosco trên con đường cạnh tranh trong lĩnh vực sửa chữa tàu biển tại Việt Nam và thị trường thế giới.

Thứ hai, Các phòng ban trong Công ty tuân thủ theo quy trình và hệ thống kiểm soát chất lượng ISO đã ban hành. Đảm bảo phối hợp phục vụ khách hàng thực sự chuyên nghiệp, hợp tác hỗ trợ khách hàng từ quy trình giao dịch đàm phán đến chăm sóc khách hàng sau khi bàn giao và các thủ tục thanh toán, đảm bảo sự hài lòng cao và ấn tượng tốt nhất.

Thứ ba, công tác phục vụ đưa đón, phục vụ ăn uống, ngủ, nghỉ, chăm sóc khách hàng/kỹ thuật chủ tàu cần được duy trì tốt, sẵn sàng chu đáo tạo sự thoải mái khi đến Nhà máy.

Thứ tư, phát động các phong trào thi đua nhằm nâng cao tinh thần và trách nhiệm trong công việc của toàn bộ cán bộ công nhân viên Công ty.

**Phần thứ ba: CÔNG TÁC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ SỬA CHỮA CƠ SỞ HẠ TẦNG
NĂM 2023 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2024**

1. ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, SỬA CHỮA HẠ TẦNG ĐÃ THỰC HIỆN NĂM 2023

1. Sửa chữa hạ tầng:

Đã sửa chữa, cải tạo và hoàn thành được các văn phòng làm việc, nhà xưởng, bê tông sân nền, hào công nghệ như sau:

- Nhà văn phòng kết hợp xưởng sửa chữa thiết bị (nhà VP quy mô 02 tầng, nhà xưởng kết cấu khung thép, mái tôn, tổng diện tích là 900m²);
- Nhà văn phòng xưởng X2 (quy mô 02 tầng, tổng diện tích sàn là 660m²); Nhà VP xưởng Ống (qui mô 02 tầng, tổng diện tích sàn là 240m²);
- Nhà xưởng X2 (nhà xưởng kết cấu khung thép, mái tôn, tổng diện tích là 2.400m²); nhà xưởng X4 (nhà xưởng kết cấu khung thép, mái tôn, tổng diện tích là 2.400m²) và xưởng Ống (nhà xưởng kết cấu khung thép, mái tôn, tổng diện tích là 800m²);
- Bê tông sân nền: Tổng diện tích 18.000m².
- Hào công nghệ: Tổng chiều dài 800 md.

Ngoài ra đang triển khai các hạng mục nâng cấp hạ tầng như: bơm cát san lấp nhà máy, thi công đường cần trục số 3, số 4 và các Bộ số 5,6,7; nạo vét khu vực Bến trang trí và sân nâng...

Chi tiết kết quả thực hiện về giá trị được tổng hợp trong bảng sau:

STT	Nội dung công việc	Kế hoạch triển khai (VNĐ)	Kết quả thực hiện (VNĐ)	Tỉ lệ hoàn thành	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	Đầu tư xây dựng	185.593.857.710	69.916.278.543		
1	Xây dựng Nhà VP kết hợp xưởng sửa chữa thiết bị	8.000.000.000	8.000.000.000	100%	
2	Xây dựng xưởng sang chiết oxy	350.000.000	513.727.741	100%	
3	Xưởng Ống	5.790.762.850	3.750.144.690	100%	
4	Thi công đường từ công Nhà máy vào đến xưởng X3, Bãi BTCT xung quanh xưởng X3	8.400.000.000	7.225.508.907	100%	

STT	Nội dung công việc	Kế hoạch triển khai (VNĐ)	Kết quả thực hiện (VNĐ)	Tỉ lệ hoàn thành	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
5	Bơm cát san lấp nhà máy	16.400.032.000	16.400.032.000	100%	
6	Thi công cụm xưởng số 1, 2, 3 (ô B5 trước cổng sản xuất)	90.675.000.000	-	0%	Tạm dừng
7	Thi công đường bãi quanh xưởng số 1, 2, 3	17.548.000.000	17.548.000.000	100%	
8	Xưởng X2	2.831.707.365	3.230.135.692	100%	
9	Xưởng tổng hợp X4	6.609.427.495	6.468.910.561	100%	
10	Thi công bộ sửa chữa tàu 7 vạn số 6	22.000.000.000	4.000.000.000	18%	
11	Thi công sửa chữa cải tạo nhà văn phòng xưởng X2	1.800.000.000	2.036.227.502	100%	
12	Nhà để cầu 500T và 200T	170.000.000	170.000.000	100%	
13	Cung cấp, lắp đặt cầu trục 10T cho Xưởng X2	1.004.000.000	401.600.000	40%	
14	Thi công đóng cọc đường cần trục số 3&4; bộ số 5&7	3.939.928.000	196.991.450	5%	
15	Sửa chữa nhà ăn	100.000.000	100.000.000	100%	
II	Sửa chữa hạ tầng	29.351.250.000	24.841.250.000		
1	Thi công nạo vét khu nước thượng lưu nhà máy	5.765.504.000	5.765.504.000		
2	Thi công nạo vét khu nước đầu tàu hạ lưu cầu trang trí	3.929.312.000	3.929.312.000	100%	

STT	Nội dung công việc	Kế hoạch triển khai (VNĐ)	Kết quả thực hiện (VNĐ)	Tỉ lệ hoàn thành	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
3	Thi công nạo vét hồ dim sàn nâng	6.899.250.000	6.899.250.000	100%	
4	Thi công sơn sửa chữa cọc thép sàn nâng	8.247.184.000	8.247.184.000	100%	
5	Xây dựng nhà xe công nhân (bên phải công Nhà máy)	510.000.000	-		Tạm dừng
6	Dự phòng kinh phí sửa chữa hạ tầng phát sinh trong nhà máy	4.000.000.000	-		
	Tổng cộng	214.945.107.710	94.757.528.543		

2. Đầu tư xây dựng Nhà máy giai đoạn 2:

a. Bến trang trí số 2:

- Do thay đổi vị trí của Bến trang trí số 2 nên cần thiết phải điều chỉnh quy hoạch đã được duyệt tại QĐ số 298/QĐ-UBND ngày 28/01/2019 của UBND thị xã Quảng Yên. Hiện nay Ban QL KKT Quảng Ninh đã có văn bản số 2083/BQLKKT-QHXD ngày 17/11/2023 về việc chấp thuận chủ trương điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết 1/500 (lần 2). Nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đã được xin ý kiến và đã có 10/11 đơn vị tham gia trả lời, còn đang đợi ý kiến của Bộ Nông nghiệp & phát triển nông thôn trước khi thỏa thuận với thị xã Quảng Yên và Ban QL KKT chấp thuận, phê duyệt.
- Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi - Thiết kế cơ sở đã được đơn vị Tư vấn lập, hiệu chỉnh và hoàn thiện theo ý kiến thẩm tra của Tư vấn thẩm tra và ý kiến thẩm định của Chủ đầu tư. Sau khi được chấp thuận, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sẽ xuất bản.
- Đã ký Hợp đồng với đơn vị Tư vấn Viện Quy hoạch thủy lợi để lập Báo cáo đánh giá ảnh hưởng của việc xây dựng công trình đến an toàn đê điều và thoát lũ. Báo cáo đã được Viện lập xong, đã chuyển đơn vị Tư vấn thẩm tra là Viện kỹ thuật Tài nguyên nước thẩm tra và trình các cơ quan chức năng thẩm định, phê duyệt, cấp phép.
- Đã ký Hợp đồng với đơn vị Tư vấn là Công ty CP cung ứng PCCC Quảng Ninh để thực hiện việc TKCS và TK BVTC hệ thống PCCC cho công trình, đang hoàn thiện hồ sơ để trình cơ quan chức năng cho ý kiến, thẩm duyệt theo quy định của Pháp luật.
- Đã ký Hợp đồng với đơn vị Tư vấn là Công ty CP đầu tư CM để thực hiện việc lập Báo cáo Đánh giá tác động môi trường cho công trình, đang hoàn thiện hồ sơ để trình Bộ Tài nguyên và môi trường thẩm định theo quy định của Pháp luật.

- Đã lập Hồ sơ Thỏa thuận tuyến hẻm cho công trình, sau khi đồ án quy hoạch 1/500 được phê duyệt sẽ gửi hồ sơ cho Cục HHVN để thỏa thuận.

b. Ụ khô và Bến trang trí số 3:

- Đã ký Hợp đồng với đơn vị Tư vấn Công ty 259 Thăng Long để khảo sát địa chất bổ sung, phục vụ cung cấp đủ số liệu thiết kế. Đến thời điểm hiện tại, đơn vị đã khoan khảo sát xong ở hiện trường với 20/20 lỗ khoan; đang triển khai công tác thí nghiệm trong phòng thí nghiệm.
- Đã ký Hợp đồng với đơn vị Tư vấn Công ty TNHH thiết kế Seoyoung để thiết kế sau khi đã làm việc và chấm dứt, thanh lý Hợp đồng cũ với Liên danh SYE-VCC do chi phí cao hơn đến 600.000 USD. Đơn vị đang thực hiện các thủ tục Bảo lãnh và hoàn thiện các Phụ lục để tiến hành thiết kế theo tiến độ Hợp đồng.
- Đã thống nhất lựa chọn được Tổ chuyên gia (Mr Hợp, Mr Thăng) để thẩm tra thiết kế của Công ty SYE, đang hoàn thiện Hợp đồng để triển khai ký kết, thực hiện.
- Đã thống nhất lựa chọn được đơn vị thiết kế cửa Ụ là Công ty Visec thực hiện.

3. Đánh giá kết quả thực hiện:

- Kết quả thực hiện trong năm 2023 cho hạng mục sửa chữa hạ tầng đã đạt được những kết quả ấn tượng. Cơ bản đã hoàn thành những hạng mục cần thực hiện như kế hoạch xây dựng đầu năm. Các hạng mục triển khai cơ bản đều đảm bảo tiến độ thực hiện, đạt chất lượng về kỹ, mỹ thuật theo yêu cầu.
- Kết quả thực hiện trong năm 2023 cho hạng mục đầu tư xây dựng, nâng cấp mở rộng Nhà máy giai đoạn 2 do đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư nên chủ yếu đang thực hiện các công tác pháp lý, chuẩn bị triển khai như điều chỉnh quy hoạch, khảo sát, thiết kế, tư vấn khác...

2. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, SỬA CHỮA HẠ TẦNG NĂM 2024

Tiếp tục triển khai các nội dung công việc còn dở dang của năm 2023 và các hạng mục, công trình mới trong chiến lược đầu tư, xây dựng Nhà máy giai đoạn 2. Kế hoạch triển khai năm 2024 cho các hạng mục công trình chính như sau:

2.1 . San lấp mặt bằng và thi công cụm xưởng số 1, 2, 3 ô B5 trước công sản xuất:

- Nhằm mở rộng quy mô Nhà máy, đảm bảo nhà xưởng để phục vụ công tác sửa chữa tàu biển như kỳ vọng về lượng khách hàng gia tăng ở các năm tiếp theo, sẽ thực hiện đầu tư san lấp mặt bằng và thi công cụm xưởng số 1, 2, 3 ô B5 trước công nhà máy.
- Nhà xưởng khu sản xuất 4 (Khu ô B5) được thiết kế có dạng kết cấu nhà khung thép tiền chế, hệ bao che nhà xưởng được kết hợp giữa tường xây 3m và kết cấu tôn, kết cấu móng dạng móng đơn trên nền cọc đóng. Quy mô kích thước mặt bằng nhà xưởng 95x124,5m, chiều cao 21,98m.
- Chi tiết về thiết kế, dự toán và kế hoạch, tiến độ thi công sẽ được báo cáo ở giai đoạn sau.

2.2. Thi công đóng cọc bổ sung; thi công Đường cần trục số 3, số 4 và Bộ sửa chữa tàu số 5, số 6, số 7:

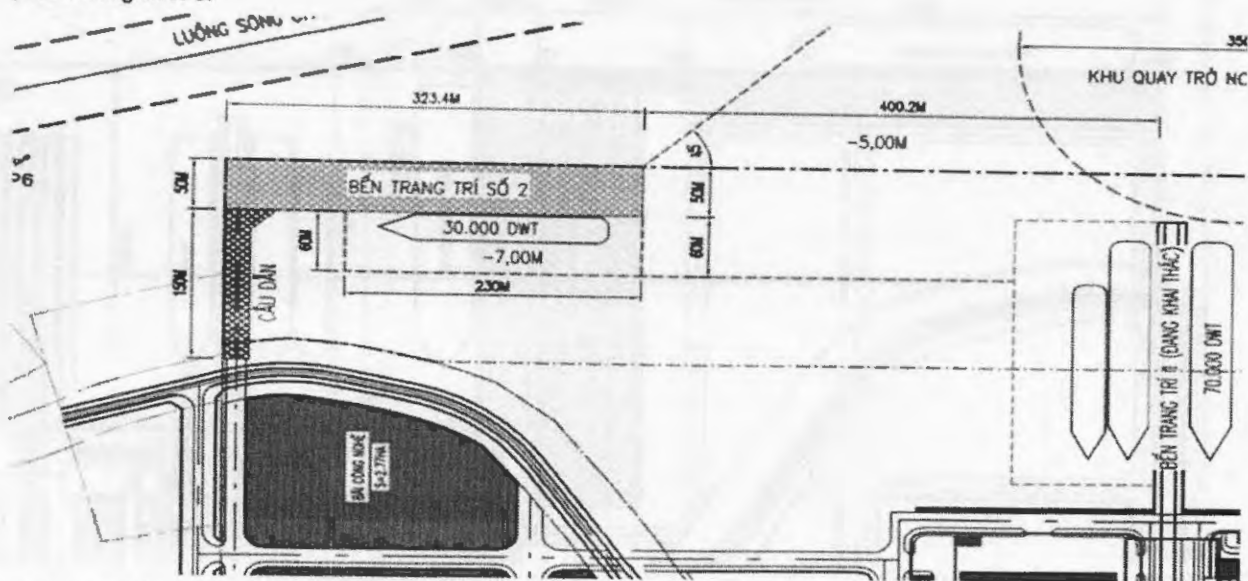
- Đây là công việc lớn, quan trọng trong kế hoạch đầu tư nâng cấp, mở rộng nhà máy, tăng khả năng đáp ứng được nhu cầu sửa chữa cho những năm tiếp theo khi lượng ra tàu gia tăng; thực hiện tiếp công việc của năm 2023, đã bắt đầu tiến hành triển khai một phần công việc. Đến thời điểm hiện tại đã thực hiện được một số công việc sau:
 - + Đã ký Hợp đồng với Công ty Thái Thành và đang thi công đóng cọc PHC bổ sung cho Đường cần trục số 3, số 4 và Bộ sửa chữa tàu số 5, số 7.
 - + Đã ký Hợp đồng với Công ty Tiến Thành và đang thi công Bộ số 6.
 - + Đã ký Hợp đồng với Công ty Phan Vũ để mua cọc cần đóng bổ sung còn thiếu.
- Trong năm 2024 sẽ tiếp tục tìm kiếm đơn vị thi công các hạng mục còn lại cũng như mua sắm vật tư, thiết bị, máy móc để thu công lắp đặt, xây dựng hoàn thành theo tiến độ đề ra.

2.3. Bến trang trí số 2:

Đây là một công trình lớn, quan trọng trong kế hoạch Đầu tư xây dựng, nâng cấp và mở rộng nhà máy Nosco shipyard giai đoạn 2. Thực hiện tiếp các nội dung của năm 2023, đã bắt đầu tiến hành triển khai các thủ tục pháp lý chuẩn bị đầu tư, năm 2024 sẽ tiến hành triển khai các công việc chính như sau:

- Hoàn thiện việc thỏa thuận và phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 lần 2.
- Thỏa thuận tuyến bến với Cục hàng hải Việt Nam.
- Hoàn thiện công tác lập và trình duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi - Thiết kế cơ sở để làm căn cứ thực hiện các công việc liên quan.
- Hoàn thiện các thủ tục pháp lý đầu tư khác: Báo cáo đánh giá an toàn đề điều, thoát lũ; Thẩm duyệt thiết kế PCCC; Phương án thi công mở cửa khẩu file đê; Đánh giá tác động môi trường, thẩm định Thiết kế cơ sở, giấy phép xây dựng, biện pháp đảm bảo an toàn hàng hải...
- Khởi công thi công công trình: Thi công đóng cọc thử, đóng cọc đại trà, thi công nạo vét và thi công công trình chính giai đoạn đầu.

2. Bến trang trí số 2:



- Kích thước Bến: 323,4 x 50m.

- Cầu dẫn: 20x150m.

- Tiếp nhận tàu sửa chữa trong tải 30.000 DWT neo cập phía trong. Trong tương lai neo cập tàu phía ngoài cho tàu 50.000 DWT hoặc lớn hơn.

- Dự toán chi phí: 1.116.000 triệu Việt nam đồng.

- Tiến độ thực hiện:

+ Hoàn thiện các thủ tục pháp lý đầu tư xây dựng: từ tháng 11/2023 – tháng 12/2024.

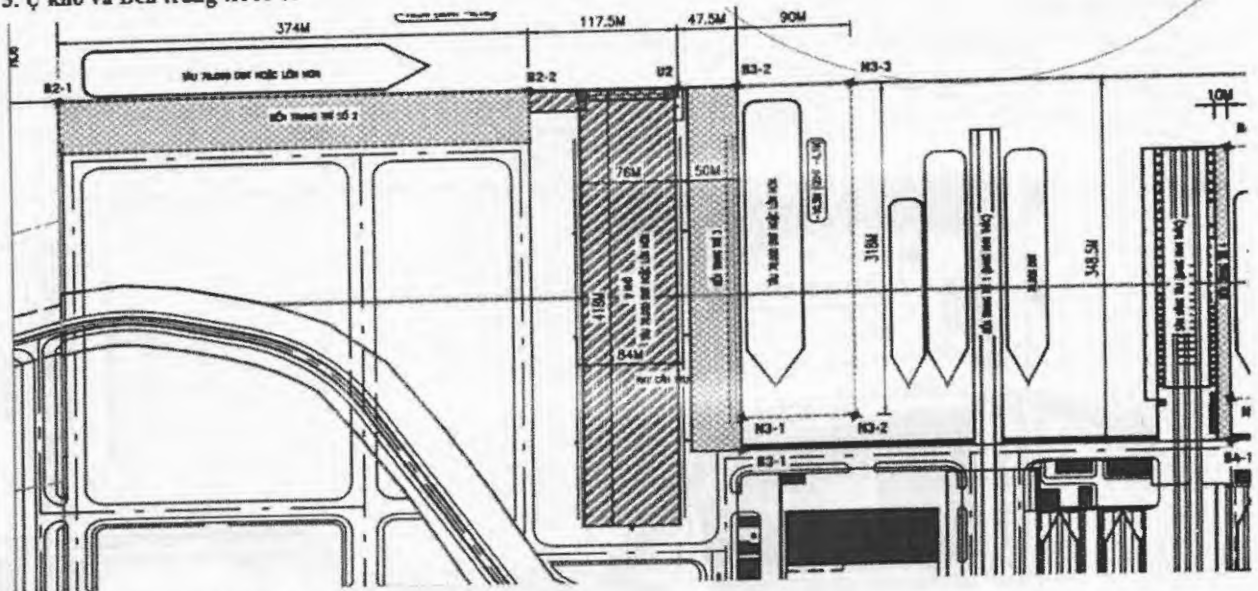
+ Thi công xây dựng, mua sắm lắp đặt thiết bị, hệ thống công nghệ và đưa vào vận hành, khai thác: từ tháng 1/2025 – tháng 12/2026.

2.4. Ụ khô và Bến trang trí số 3:

Đây là công trình trọng điểm trong kế hoạch Đầu tư xây dựng, nâng cấp và mở rộng nhà máy Nosco Shipyard giai đoạn 2. Thực hiện tiếp các công việc của năm 2023, đã bắt đầu tiến hành triển khai các thủ tục pháp lý chuẩn bị đầu tư, năm 2024 sẽ tiến hành triển khai các công việc chính như sau:

- Tiếp tục triển khai công tác thiết kế với SYE, Visec; song song với quá trình thẩm tra thiết kế của nhóm chuyên gia sau khi đã hoàn thành công tác khảo sát địa chất bổ sung.
- Hoàn thiện công tác lập và trình duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi - Thiết kế cơ sở để làm căn cứ thực hiện các công việc liên quan.
- Hoàn thiện các thủ tục pháp lý đầu tư khác: quy hoạch vùng đất, vùng nước; quy hoạch chi tiết; Báo cáo đánh giá an toàn đê điều, thoát lũ; Thẩm duyệt thiết kế PCCC; Phương án thi công mở cửa khẩu qua đê; Đánh giá tác động môi trường, thẩm định Thiết kế cơ sở, giấy phép xây dựng, biện pháp đảm bảo an toàn hàng hải...

3. Ụ khô và Bền trang trí số 3:



- Kích thước Ụ: 418 x 76 x 15 m.
- Bền trang trí số 3: 348,5 x 50 x 15 m.
- Tiếp nhận tàu sửa chữa có trọng tải lên đến 320.000 DWT.
- Dự toán chi phí: 4.883.000 triệu Việt nam đồng.
- Tiến độ thực hiện:
 - + Hoàn thiện các thủ tục pháp lý đầu tư xây dựng: từ tháng 11/2023 – tháng 10/2025.
 - + Thi công xây dựng, mua sắm lắp đặt thiết bị, hệ thống công nghệ và đưa vào vận hành, khai thác: từ tháng 6/2025 – tháng 12/2027.

2.5. Kiểm toán nâng cấp Bến số 1 và sàn nâng:

Đây là công việc quan trọng, được Chủ tịch HĐQT yêu cầu thực hiện khẩn trong thời gian sớm nhất. Hiện tại đã ký Hợp đồng với Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Cảng đường thủy (Tedi port), đang tiến hành lập Báo cáo và trình cơ quan thẩm quyền xem xét, chấp thuận.

2.6. Thi công sửa chữa cải tạo nhà văn phòng xưởng X1:

Đã phê duyệt Bản vẽ Thiết kế thi công và lựa chọn đơn vị nhận công thi công thực hiện, vật tư và thiết bị Công ty cấp. Đã bắt đầu công việc tháo dỡ, chuẩn bị thi công. Thời gian thi công dự kiến là 4 tháng. Bàn giao đưa vào sử dụng trong quý II/2024.

2.7. Cung cấp và lắp đặt cầu trục 10 tấn cho xưởng X2:

Đã ký Hợp đồng với Công ty TNHH Neway Group để cung cấp và lắp đặt thiết bị hạng mục này. Hiện nay đã gia công sản xuất và nhập khẩu xong, đã nghiệm thu xuất xưởng. Trong tháng 1 năm 2024 sẽ vận chuyển, lắp đặt và hoàn thành đưa vào sử dụng.

2.8. Cung cấp và lắp đặt 02 cầu trục 20 tấn cho xưởng X4:

Đã trong giai đoạn lựa chọn đơn vị để cung cấp và lắp đặt thiết bị hạng mục này. Thời gian dự kiến ký hợp đồng là tháng 1/2024 và hoàn thành vào tháng 4/2024.

Tổng hợp kế hoạch công việc và dự toán chi phí cho năm 2024 được thể hiện trong bảng như sau:

C2. Bảng tổng hợp

STT	Dự án	Tổng dự toán	Đơn vị: triệu đồng			
			Năm 2024 Tổng năm	Năm 2025 Tổng năm	Năm 2026 Tổng năm	Năm 2027 Tổng năm
I	CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	6,383,983	516,483	1,355,000	2,170,000	1,540,000
1	Cấp cọc và Thi công đóng cọc bổ sung; Thi công Đường cần trục số 3, số 4 và Bộ sửa chữa tàu số 4, số 5, số 6, số 7, bao gồm cả hệ thống công nghệ, thiết bị để đưa vào vận hành, Khai thác	384,983	384,983	-	-	-
	Cấp cọc PHC D-00A, D300A	12,200	12,200	-	-	-
	Thi công đóng cọc PHC bổ sung theo thiết kế và thực tế	3,933	3,933	-	-	-
	Thi công xây dựng hoàn thiện Đường cần trục số 3 (bao gồm nhân công và vật tư hoàn thiện)	10,693	10,693	-	-	-
	Thi công xây dựng hoàn thiện Đường cần trục số 4 (bao gồm nhân công và vật tư hoàn thiện)	12,350	12,350	-	-	-
	Thi công xây dựng hoàn thiện Bộ sửa chữa tàu số 4 (bao gồm nhân công và vật tư hoàn thiện)	22,351	22,351	-	-	-
	Thi công xây dựng hoàn thiện Bộ sửa chữa tàu số 3 (bao gồm nhân công và vật tư hoàn thiện)	22,637	22,637	-	-	-
	Thi công xây dựng hoàn thiện Bộ sửa chữa tàu số 6 (bao gồm nhân công và vật tư hoàn thiện)	22,370	22,370	-	-	-
	Thi công xây dựng hoàn thiện Bộ sửa chữa tàu số 7 (bao gồm nhân công và vật tư hoàn thiện)	26,400	26,400	-	-	-
	Thi công sản đấu, lắp ráp công nghệ	30,000	30,000	-	-	-
	Thiết bị, Mua sắm, lắp đặt thiết bị, máy móc, hệ thống công nghệ hoàn thiện đến khi vận hành, khai thác	200,000	200,000	-	-	-
2	Đầu tư xây dựng Bến trung trí số 2	1,116,000	109,500	535,000	470,000	-
	Thủ tục pháp lý, Bản vẽ Quy hoạch, thẩm tra - thẩm định thiết kế, ĐTM, Đánh giá, PCCC, thỏa thuận nguyên tắc, giấy phép xây dựng... (bao gồm các chi phí ngoài giao)	11,000	10,000	-	-	-
	Thi công phần xây dựng	330,000	90,000	420,000	320,000	-
	Mua sắm, lắp đặt thiết bị, hệ thống công nghệ	170,000	-	43,000	75,000	-

	Thủ tục pháp lý, nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng, nghiệm thu bàn giao công trình, thẩm định công bố cấu công, giấy phép kinh doanh cấu công, chứng nhận an toàn công biển...	13,000	.	.	13,000	.
	Chi phí khác: quản lý dự án, tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí chung, chi phí dự phòng...	140,000	9,300	70,000	90,000	.
3	Đàn tu xây dựng U Khê và Bến trang trị số 3	4,883,000	22,000	1,320,000	2,000,000	1,340,000
	Thủ tục pháp lý, bản vẽ Quy hoạch, thẩm tra - thẩm định thiết bị, DTM, Địa điểm, PCCC, thỏa thuận nghiệm Mìn, giấy phép xây dựng... (bao gồm các chi phí ngoài giao)	33,000	12,500	20,000	.	.
	Tư công phần xây dựng	1,200,000	.	300,000	1,400,000	1,000,000
	Mua sắm, lắp đặt thiết bị - hệ thống công nghệ	1,000,000	.	300,000	400,000	300,000
	Thủ tục pháp lý, nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng, nghiệm thu bàn giao công trình, thẩm định công bố cấu công, giấy phép kinh doanh cấu công, chứng nhận an toàn công biển...	40,000	.	.	.	40,000
	Chi phí khác: quản lý dự án, tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí chung, chi phí dự phòng...	670,000	9,300	200,000	200,000	200,000
II	SỬA CHỮA HẠ TẦNG	75,480	39,480	12,000	12,000	12,000
1	Thi công sửa chữa cải tạo nhà văn phòng xưởng XI	4,330	4,330	.	.	.
2	Cung cấp và lắp đặt 02 cầu trục 20 tấn cho xưởng XI	1,400	1,400	.	.	.
3	Thi công hoàn thiện sân tennis, đường bê tông, hào công nghệ... nhà máy	4,000	4,000	.	.	.
4	Sửa chữa, cải tạo Nhà bể vệ	140	140	.	.	.
5	Chi phí sửa chữa hạ tầng phát sinh trong nhà máy và kinh phí dự phòng, nhà để cá, kiểm định Bến trang trị số 1 và sân năng, cầu sủa xe, nền xưởng sửa chữa thiết bị, chuyên vận vận, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng kỹ thuật...	45,300	9,300	12,000	12,000	12,000
6	Thanh toán công nợ cho các Nhà thầu đã hoàn thành thi công, bàn giao đưa vào sử dụng	20,000	20,000	.	.	.
	Tổng cộng	6,459,483	656,963	1,967,000	2,682,000	1,547,000

3. ĐẦU TƯ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (KẾ HOẠCH & ĐIỀU CHỈNH)

A. Tóm tắt kế hoạch

Bộ phận	Kế hoạch ban đầu	Điều chỉnh				Kế hoạch (Đã sửa đổi)	Ghi chú
				Bổ sung			
		Mô tả	Số tiền	Mô tả	Số tiền		
Vỏ	1.247	Nam châm cầu	30	Wooden Block	60		
		Giàn giáo	100	Scaffolding	170		
		Cần cầu di động	30				
		Tổng cộng	160	Tổng cộng	230	1.317	
Sơn	1.616	Bơm gió	2	Hydro Blasting (1st)	1.002		
		Sân chứa cát	10	Hydro Blasting (2nd)	1.000		
		Sân phơi cát	250				
		Nhà kho chứa cát	135				
		Tổng cộng	397	Tổng cộng	2.002	3.221	
HSE	13		-		-	13	
Cơ sở	1.118	Trạm khí nén	608	Dump Truck	53	563	
Máy móc	1.500	Xưởng máy	184		-		
		Thiết bị là sạch	120		-		
		Máy cắt	250		-		
		Xe tải ben	90		-		
		Máy làm sạch bằng hơi nước	15		-		
		Bơm hoá chất	20		-		
		Bồn hoá chất	100		-		
		Trạm xử lí nước thải	363		-		
		Tổng cộng	1.142	Tổng cộng	-	358	
Tổng	5.494		2.307		2.285	5.472	

B. Trạng thái thanh toán đầu tư (Tháng 4, 2024)

Bộ phận	Nửa đầu năm										Nửa cuối năm						Tổng		Ghi chú						
	4		5		6		Sub Total		7		8		9		10		11			12		Sub Total			
	Kế hoạch	Kết quả	Kế hoạch	Kết quả	Kế hoạch	Kết quả	Kế hoạch	Kết quả	Kế hoạch	Kết quả	Kế hoạch	Kết quả	Kế hoạch	Kết quả	Kế hoạch	Kết quả	Kế hoạch	Kết quả		Kế hoạch	Kết quả	Kế hoạch	Kết quả		
Vỏ	Đầu tư	50	94	467	-	-	517	94															517	94	18%
	Tồn kho	800	10	-	-	-	800	10															800	10	1%
	Tổng cộng	850	104	467	-	-	1.317	104															1.317	104	7%
Sơn	Đầu tư	119	6	1.144	109	-	1.263	115	1.000	908													1.000	908	44%
	Tồn kho	50	-	-	-	-	50	-															50	-	0%
	Tổng cộng	169	6	1.144	109	-	1.313	115	1.000	908													1.050	908	44%
HSE	Đầu tư	9					9	-															9	-	0%
	Tồn kho	4					4	-															4	-	0%
	Tổng cộng	13					13	-															13	-	0%
Cơ sở	Đầu tư	161	53				161	53			202		200										402	53	
	Tồn kho																								
Máy móc	Đầu tư	301		57			358	-															358	-	
	Tồn kho																								
	Tổng cộng	301		57			358	-															358	-	
Tổng	Đầu tư	640	152	1.668	109	-	2.308	261	1.000	908	202	-	200	-									2.710	261	6%
	Tồn kho	854	10	-	-	-	854	10	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	854	10	1%
	Tổng cộng	1.494	162	1.668	109	-	3.162	271	1.000	908	202	-	200	-									3.564	271	7%

Trên đây là kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023, kế hoạch và các giải pháp cần thiết để thực hiện nhiệm vụ năm 2024. Trong thời gian tới Công ty Nosco tiếp tục phát huy thương hiệu, năng lực và cơ sở vật chất đã và đang được đầu tư phần đầu hoàn thành vượt kế hoạch đề ra.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: HĐQT; VT.

Tổng Giám Đốc



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lee Jung Woo

Quảng Ninh, ngày 01 tháng 04 năm 2024

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NĂM 2023 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2024**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Nosco Shipyards;
- Căn cứ quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nosco Shipyards;

Thực hiện theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Nosco Shipyards (“**Công ty**”), Hội đồng quản trị (“**HĐQT**”) xin trân trọng báo cáo với Đại hội đồng cổ đông (“**ĐHĐCĐ**”) về kết quả hoạt động của HĐQT năm 2023, phương hướng nhiệm vụ năm 2024, cụ thể như sau:

PHẦN I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2023

1. Công tác ban hành văn bản để quản lý và điều hành công ty năm 2023:

Năm 2023, HĐQT đã thực hiện các cuộc họp định kỳ theo quy định tại Điều lệ Công ty. Trên cơ sở các cuộc họp và xin ý kiến các thành viên năm 2023, HĐQT đã ban hành các nghị quyết sau:

STT	Số văn bản	Ngày ban hành	Nội dung
1.	12.01/2023/NQ-HĐQT	12/01/2023	V/v miễn nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc
2.	28.02/2023/NQ-HĐQT	28/02/2023	V/v Bổ nhiệm các chức danh Phó Tổng giám đốc và điều chỉnh cơ cấu các phòng ban
3.	10.03/2023/NQ-HĐQT	10/03/2023	V/v triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
4.	17-03/2023/NQ-HĐQT	17/03/2023	V/v miễn nhiệm, bổ nhiệm chức vụ Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, thay đổi người đại diện theo pháp luật.



5.	13.04/2023/NQ-HĐQT	13/04/2023	V/v miễn nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc
6.	17.04/2023/NQ-HĐQT	17/04/2023	V/v bổ nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc
7.	01.06/2023/NQ-HĐQT	01/06/2023	V/v thông qua chủ trương lựa chọn, đàm phán đơn vị tư vấn, thiết kế ụ khô cho tàu
8.	19.07/2023/NQ-HĐQT	19/07/2023	V/v bổ nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc
9.	08.09/2023/NQ-HĐQT	08/09/2023	V/v miễn nhiệm, bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, thay đổi người đại diện pháp luật.
10.	23.10/2023/NQ-HĐQT	23/10/2023	V/v triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường tháng 11 năm 2023
11.	03.11/2023/NQ-HĐQT	03/11/2023	V/v miễn nhiệm, bổ nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc

2. Kết quả hoạt động của HĐQT trong năm 2023:

- Năm 2023, thành viên HĐQT đã tập trung toàn bộ công tác kiện toàn nhà máy, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Đồng thời, HĐQT cũng tập trung chỉ đạo triển khai công tác xây dựng định mức kinh tế, kỹ thuật, nhân lực, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện quy trình, quy chế quản lý nội bộ, hệ thống báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh định kỳ...
- Về công tác nhân sự của Ban điều hành, trong năm 2023, có nhiều thay đổi về nhân sự Ban Điều hành (thay đổi các phó Tổng giám đốc, thay đổi Tổng giám đốc), HĐQT cũng đã kịp thời thực hiện các thủ tục cần thiết cho việc thay đổi nhân sự Ban điều hành để đảm bảo hoạt động quản lý, điều hành nhà máy không bị gián đoạn.
- Việc tổ chức họp HĐQT đã được thực hiện định kỳ theo tháng, hàng tháng HĐQT đều được nhận báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh của TGD, HĐQT sẽ xem xét dựa trên báo cáo của TGD để tổ chức cuộc họp nếu có vấn đề phát sinh theo quy định của Điều lệ.
- CT.HĐQT đã ban hành chi thị 16.06/2023/CT-CT.HĐQT. 16/06/2023 để triển khai ý kiến của HĐQT về tổn thất đứt cáp cụm tời 17A, 19A, 20A gây hư hại toàn bộ kết cấu dầm và gối lót mặt sàn của 04 (bốn) khoang sàn nâng liên kết từ dầm ngang số 16 đến 17, từ 17 đến 18, từ 18 đến 19, từ 19 đến 20.

3. Kết quả giám sát của HĐQT đối với ban điều hành

HĐQT thường xuyên theo dõi, chỉ đạo Ban điều hành bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh, kiện toàn công tác nhân sự, tinh giản bộ máy để hướng đến mục tiêu hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

4. Đánh giá sự phối hợp giữa HĐQT với BKS

HĐQT đã phối hợp chặt chẽ với BKS trong các hoạt động của HĐQT.

HĐQT nhận thấy trong năm 2023, công tác chỉ đạo, điều hành của HĐQT trong một số thời điểm còn chưa sát sao, quyết liệt. Vì vậy, trong năm 2024, HĐQT sẽ tập trung sát sao trong việc chỉ đạo, hỗ trợ Ban điều hành trong quá trình triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh, đồng thời phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành và BKS nhằm đảm bảo công ty hoạt động theo đúng pháp luật và Điều lệ Công ty.

PHẦN II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024:

Năm 2024 dự kiến là năm có nhiều biến đổi về cơ cấu tổ chức, kế hoạch phát triển Công ty, nâng cao cơ sở vật chất, hạ tầng để đáp ứng nhu cầu sửa chữa tàu biển đạt hiệu quả cả về chất lượng và thời lượng sửa chữa, phát triển tay nghề, trình độ chuyên môn của đội ngũ của cán bộ công nhân viên. Đồng thời Công ty phải tập trung nguồn vốn thực hiện một số hoạt động đầu tư của Nhà máy nhằm cải tạo, hoàn thiện cơ sở hạ tầng phục vụ việc sửa chữa tàu biển, nâng cao năng lực sửa chữa tàu của Nhà máy.

HĐQT đánh giá rằng việc cân đối các nguồn lực, bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh, kịp thời tháo gỡ các vướng mắc phát sinh, triển khai áp dụng hiệu quả các công cụ quản lý, xây dựng đội ngũ nhân sự có trình độ, năng lực, tâm huyết là các yếu tố cần thiết để giúp Công ty có thể đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024.

Do đó, trong năm 2024, HĐQT cần tập trung phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành, quyết liệt triển khai các công việc sau đây:

- Tập trung cải thiện các chính sách truyền thông dịch vụ sửa chữa tàu biển của Công ty đến với nhiều đối tác, khách hàng trong khu vực và trên thế giới.
- Kiểm tra, kiện toàn quy trình sửa chữa tàu biển, nâng cao đội ngũ kỹ sư, công nhân viên để công việc đạt hiệu quả cao.
- Triển khai, thay thế các biện pháp làm sạch khác nhau nhằm bảo vệ môi trường, thay đổi cảnh quan thiên nhiên.
- Kiện toàn quy trình mua sắm vật tư, trang thiết bị cho Công ty theo tiêu chuẩn cải tiến, đảm bảo tiến độ sửa chữa.
- Đẩy mạnh quá trình đào tạo nhân lực, nâng cao đội ngũ công nhân, kỹ sư.
- Lên kế hoạch tuyển dụng chuyên gia, kỹ sư có tay nghề cao, đem lại hiệu quả trong công việc,

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát, kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.
Kính chúc Quý cổ đông mạnh khỏe, thành đạt, chúc Đại hội thành công tốt đẹp.
Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các thành viên BKS;
- HĐQT Công ty;
- Lưu: VT, BKS.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT
CÔNG TY
CỔ PHẦN
NOSCO SHIP YARD
TX. QUANG YÊN - T. QUẢNG BÌNH



Vũ Mạnh Tùng



CÔNG TY CỔ PHẦN NOSCO SHIPYARD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

BAN KIỂM SOÁT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 25 tháng 04 năm 2024

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Nosco Shipyard;
- Căn cứ quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nosco Shipyard;
- Căn cứ báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty Cổ phần Nosco Shipyard;

Ban Kiểm soát xin trân trọng báo cáo trước Đại hội về tình hình hoạt động và kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao năm 2023, phương hướng nhiệm vụ năm 2024, cụ thể như sau:

PHẦN I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Cơ cấu BKS:

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Nosco Shipyard gồm 03 thành viên:

- Bà: Đặng Thị Dung : Trưởng BKS: Bổ nhiệm ngày 10/06/2022
- Ông: Phạm Mạnh Tiến : Thành viên BKS: Bổ nhiệm ngày 10/06/2022
- Bà: Ngô Thùy Linh : Thành viên BKS: Bổ nhiệm ngày 10/06/2022

2. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023:

2.1 Nội dung công tác Kiểm soát của BKS: Ban kiểm soát đã hoạt động đúng chức năng nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty:

- BKS đã thực hiện việc giám sát, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, việc tuân thủ Điều lệ, giám sát thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty, Pháp luật của nhà nước.

- Đánh giá, giám sát thông tin trên Báo cáo tài chính của Công ty theo các chế độ tài chính kế toán hiện hành.

- Thẩm định Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính, phân tích đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, khả năng bảo toàn và phát triển vốn.

- Kiểm soát quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm trang thiết bị, kế hoạch lao động tiền lương và thu nhập.

- Kiểm soát việc xây dựng, ban hành và thực hiện quy chế, quy định nội bộ của Công ty.

2.2 Kiểm soát hoạt động quản lý điều và điều hành Công ty:



Thành viên HĐQT và Ban điều hành Công ty từ 01/01/2023 đến 31/12/2023, có sự thay đổi như

sau:

- Hội đồng quản trị:

- Ông: Vũ Mạnh Tùng	: Chủ tịch	: Bỏ nhiệm ngày 31/08/2022
- Ông: Phạm Văn Tường	: Phó chủ tịch	: Miễn nhiệm ngày 31/03/2023
- Ông: Lê Thế Việt	: Thành viên	: Bỏ nhiệm ngày 10/06/2022
- Ông: Nguyễn Lê Dũng	: Thành viên	: Miễn nhiệm ngày 31/03/2023
- Bà: Nguyễn Kim Thúy	: Thành viên	: Miễn nhiệm ngày 31/03/2023
- Ông Vương Ngọc Thành	: Thành viên	: Bỏ nhiệm ngày 17/03/2023
- Ông Vương Ngọc Thành	: Thành viên	: Miễn nhiệm ngày 24/11/2023
- Bà Lương Thị Sinh	: Thành viên	: Bỏ nhiệm ngày 24/11/2023

- Ban điều hành:

- Ông: Đỗ Hữu Nguyễn	: Tổng giám đốc	: Miễn nhiệm ngày 17/03/2023
- Ông: Vương Ngọc Thành	: Tổng giám đốc	: Bỏ nhiệm ngày 17/03/2023
- Ông Vương Ngọc Thành	: Tổng giám đốc	: Miễn nhiệm ngày 08/09/2023
- Ông Vũ Bảo Trung	: Tổng giám đốc	: Bỏ nhiệm ngày 08/09/2023
- Ông: Đỗ Hữu Nguyễn	: P. Tổng giám đốc	: Bỏ nhiệm ngày 17/03/2023
- Ông: Đỗ Hữu Nguyễn	: P. Tổng giám đốc	: Miễn nhiệm ngày 13/04/2023
- Ông Cao Mạnh Cường	: P. Tổng giám đốc	: Miễn nhiệm ngày 12/01/2023
- Ông: Nguyễn Văn Dương	: P. Tổng giám đốc	: Miễn nhiệm ngày 17/03/2023
- Ông: Nguyễn Xuân Sơn	: P. Tổng giám đốc	: Miễn nhiệm ngày 17/03/2023
- Ông: Vũ Quốc Điệp	: P. Tổng giám đốc	: Miễn nhiệm ngày 08/09/2023
- Ông: Nguyễn Đình Xuân	: P. Tổng giám đốc	: Miễn nhiệm ngày 08/09/2023
- Ông Vũ Bảo Trung	: P. Tổng giám đốc	: Bỏ nhiệm ngày 17/04/2023
- Ông Đặng Minh Toàn	: P. Tổng giám đốc	: Bỏ nhiệm ngày 19/07/2023
- Ông Vũ Ngọc Phụng	: P. Tổng giám đốc	: Bỏ nhiệm ngày 08/09/2023
- Ông Đặng Minh Toàn	: P. Tổng giám đốc	: Miễn nhiệm ngày 03/11/2023
- Ông Đào Duy Hùng	: P. Tổng giám đốc	: Bỏ nhiệm ngày 03/11/2023

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành:

+ Trong năm 2023, Các thành viên HĐQT Công ty đã tiến hành họp và ban hành các Nghị Quyết và Quyết định về tình hình sản xuất kinh doanh, Quyết định nhân sự của Công ty tuân thủ theo đúng Điều lệ của Công ty và Pháp luật hiện hành;

+ Ban Kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp HĐQT trong năm 2023 và cũng đã được cung cấp đầy đủ các Biên bản họp, Nghị quyết của các cuộc họp Hội đồng quản trị.

2.3 Thẩm định báo cáo tài chính:

- Báo cáo tài chính năm 2023:

+ Báo cáo tài chính năm 2023 đã phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của Công ty, được trình bày theo đúng các mẫu báo cáo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

+ Báo cáo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm kết thúc năm tài chính 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

+ Việc ghi chép, theo dõi, phân loại các nội dung kinh tế trong báo cáo tài chính đã được thực hiện theo đúng các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

T T	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	TH 2022	So sánh (%)	
						KH 2023	TH 2022
1	Doanh thu	Tỷ đồng	707,800	596,512	596,916	84,28%	99,93%
	<i>Trong đó:</i>	Tỷ đồng					
	+ DT cung cấp dịch vụ sc tàu biển		700,000	590,900	593,795	84,41%	99,51%
	+ DT cho thuê tàu lai dắt	Tỷ đồng	5,800	5,411	2,301	93,29%	235,16%
	+ DTTC, khác	Tỷ đồng	600	0,201	0.819	0,03%	24,54%
2	Tổng chi phí	Tỷ đồng		820,410	1,025,047		80,04%
	Giá vốn của dịch vụ sửa chữa tàu biển	Tỷ đồng		424,773	611,205		69,5%
3	LN trước thuế	Tỷ đồng		(228,207)	(394,640)		57,83%
	<i>Trong đó:</i>	Tỷ đồng					
	+ LN SXKD			(223,632)	(395,083)		
	+ LN khác	Tỷ đồng		(4,575)	0,442		
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng		3,680	15,186		

PHẦN III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024:

Căn cứ vào tình hình hoạt động của BKS và Kế hoạch hoạt động Sản xuất kinh doanh của công ty năm 2023, Ban kiểm soát xin đề ra Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2024 như sau:

- Giám sát việc chấp hành các quy định của Pháp luật, Điều lệ của Công ty, tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT;
- Xem xét tính hợp lý và giám sát việc ban hành thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm;
- Thẩm định báo cáo Kết quả kinh doanh, Báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính, Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị năm 2024. Phân tích đánh giá tình hình tài chính, tình hình quản lý, sử dụng vốn, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ của Công ty;
- Xem xét, thẩm tra công tác ký kết các Hợp đồng kinh tế;
- Kiểm tra, giám sát các hoạt động đầu tư của Công ty;
- Phối hợp với HĐQT, Ban giám đốc trong quản lý vốn chủ sở hữu của Công ty;
- Báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên;
- Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của BKS;

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát, kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. Kính chúc Quý cổ đông mạnh khỏe, thành đạt, chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các thành viên BKS;
- HĐQT Công ty;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Đặng Thị Dung

Quảng Ninh, ngày 29 tháng 05 năm 2024

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

(V/v: Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2023)

Kính trình: Đại hội Đồng Cổ đông thường niên năm 2024

- Kính thưa:
- Các Quý vị đại biểu.
 - Các Quý vị Cổ đông.
 - Toàn thể hội nghị.

Được sự ủy quyền của Hội đồng Quản trị, tôi xin trình Đại hội Báo cáo Tài chính thực hiện năm 2023 đã được kiểm toán của Công ty như sau:

Thứ nhất là: Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản:

- Tiền và các khoản tương đương tiền đến 31/12/2023 với số dư là: 12.778.912.584 triệu đồng tương đương bằng 0,35% tổng tài sản.
- Các khoản phải thu khách hàng là: 47.017 triệu đồng và trả trước người bán là: 230.558 triệu đồng
- Nguyên giá Tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2023 là 4.511.389 triệu đồng (trong đó đã khấu hao 1.234.289 triệu đồng, giá trị còn lại 3.277.100 triệu đồng) được theo dõi tới từng đối tượng.
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại thời điểm 31/12/2023 là 119.902 triệu đồng.
- Tài sản dài hạn khác tại thời điểm 31/12/2023 là 37.042 triệu đồng bao gồm chi phí trả trước dài hạn 37.042 triệu đồng.

+ Bố trí cơ cấu tài sản:

Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản năm 2023 là: 5,31%; cùng kỳ năm 2022 là 3,85%

Tài sản dài hạn/Tổng tài sản năm 2023 là: 94,69%; cùng kỳ năm 2022 là 96,15%

+ Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản

Chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trước thuế : -6,29 %

Chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận sau thuế : -6,29 %

- Nợ phải trả có số dư tại 31/12/2023 là : 6.313.898 triệu đồng

Trong đó: + Nợ ngắn hạn: 3.441.395 triệu đồng

+ Nợ dài hạn: 2.872.503 triệu đồng - chỉ tiêu này thể hiện trên Báo cáo tài chính của Công ty là các khoản vay dài hạn và lãi vay để phục vụ dự án nhà máy sửa chữa tàu biển Nosco Shipyard.

Thứ hai là: Về kết quả sản xuất kinh doanh

Kết quả kinh doanh trong năm 2023 của Công ty như sau:

+ Tổng doanh thu là: : 597.570 triệu đồng

Trong đó:

Doanh thu cung cấp dịch vụ sửa chữa tàu là: 590.900 triệu đồng

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê và dịch vụ khác là: 5.612 triệu đồng

Doanh thu tài chính - lãi CLTG là: 267 triệu đồng

Doanh thu khác là: 791 triệu đồng

+ Lợi nhuận trước thuế lỗ: 288.208 triệu đồng.

Kết quả kinh doanh năm 2023 của Công ty lỗ do các nguyên nhân chính sau đây:

Lỗ do chi phí lãi vay phải trả: 315.701 triệu đồng

Lỗ do trích khấu hao TSCĐ: 182.731 triệu đồng

Trước thực tế khó khăn do cơ sở vật chất, hạ tầng, thiết bị máy móc... đã xuống cấp nghiêm trọng, nguồn nhận lực còn thiếu nên hiệu quả SXKD chưa cao. Ngoài những chính sách thiết thực và cụ thể như cắt giảm chi phí, thắt chặt định mức và liên tục rà soát định mức tiêu hao vật tư Công ty còn không ngừng đào tạo và nâng cao tay nghề của CBCNV. Đề nghị các tổ chức tín dụng hỗ trợ các cơ chế khoan, giãn nợ cũng đã được Công ty triển khai.

Trên đây là báo cáo về tình hình tài chính năm 2023, kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu: TCKT,HTT,03.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Vũ Mạnh Tùng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN NOSCO SHIPYARD

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04 - 06
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	07 - 29
Bảng cân đối kế toán	07 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 29

30/11
CÔ
ACH N
ANG
A
DANG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nosco Shipyard (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nosco Shipyard được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5701302368 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 13 tháng 08 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ mười sáu ngày 11 tháng 03 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty tại: Thôn 4, xã Tiên Phong, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Mạnh Tùng	Chủ tịch	
Ông Phạm Văn Tường	Phó Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 31 tháng 03 năm 2023)
Ông Lê Thế Việt	Thành viên	
Bà Lương Thị Sinh	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2023)
Ông Vương Ngọc Thành	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 31 tháng 03 năm 2023)
		(Miễn nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2023)
Ông Nguyễn Lê Dũng	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 31 tháng 03 năm 2023)
Bà Nguyễn Kim Thuý	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 31 tháng 03 năm 2023)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lee Sung Woo	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01 tháng 03 năm 2024)
Ông Vũ Bảo Trung	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 08 tháng 09 năm 2023)
		(Miễn nhiệm ngày 01 tháng 03 năm 2024)
Ông Vương Ngọc Thành	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 17 tháng 03 năm 2023)
		(Miễn nhiệm ngày 08 tháng 09 năm 2023)
Ông Đỗ Hữu Nguyễn	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 17 tháng 03 năm 2023)
Ông Vũ Bảo Trung	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 17 tháng 04 năm 2023)
		(Miễn nhiệm ngày 08 tháng 09 năm 2023)
		(Bổ nhiệm ngày 01 tháng 03 năm 2024)
Ông Đỗ Hữu Nguyễn	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 17 tháng 03 năm 2023)
Ông Park You Sang	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01 tháng 03 năm 2024)
Ông Đào Duy Hùng	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 03 tháng 11 năm 2023)
Ông Đặng Minh Toàn	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2023)
		(Miễn nhiệm ngày 03 tháng 11 năm 2023)
Ông Vũ Ngọc Phụng	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 08 tháng 09 năm 2023)
		(Miễn nhiệm ngày 23 tháng 03 năm 2024)
Ông Vũ Quốc Điệp	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 28 tháng 02 năm 2023)
		(Miễn nhiệm ngày 08 tháng 09 năm 2023)
Ông Nguyễn Đình Xuân	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 28 tháng 02 năm 2023)
		(Miễn nhiệm ngày 08 tháng 09 năm 2023)
Ông Nguyễn Văn Dương	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 17 tháng 03 năm 2023)
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 17 tháng 03 năm 2023)
Ông Cao Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 12 tháng 01 năm 2023)

Công ty Cổ phần Nosco Shipyard

Thôn 4, xã Tiền Phong, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đặng Thị Dung	Trưởng ban
Bà Ngô Thuỳ Linh	Thành viên
Ông Phạm Mạnh Tiến	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lee Sung Woo

Tổng Giám đốc

Quảng Ninh, ngày 15 tháng 05 năm 2024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nosco Shipyard**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nosco Shipyard được lập ngày 15 tháng 05 năm 2024, từ trang 7 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại Báo cáo kiểm toán số 300323.139/BCTC.KT6 ngày 30/03/2023 về Báo cáo tài chính năm 2022, chúng tôi đã đưa ý kiến ngoại trừ về chi phí lãi vay giai đoạn tạm dừng thi công được ghi nhận tăng nguyên giá tài sản, chưa thu thập được thông tin về hồ sơ liên quan đến chi phí đầu tư chưa ghi tăng tài sản, số dư công nợ phải thu, phải trả chưa được xác nhận đầy đủ và chưa được tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho, công cụ dụng cụ. Các vấn đề này chưa được Công ty khắc phục trong năm nay do đó chúng tôi tiếp tục đưa ý kiến ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, cụ thể như sau:

- Công ty đã vốn hóa chi phí lãi vay giai đoạn tạm dừng thi công số tiền 248.187.353.993 VND vào chi phí đầu tư xây dựng dự án Nhà máy sửa chữa tàu biển và tạm tăng tài sản năm 2017 mà không ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2015. Điều này đã dẫn đến chỉ tiêu "Tài sản cố định hữu hình" (Mã số 221) và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" (Mã số 421) trên Bảng cân đối kế toán đang phản ánh cao hơn với số tiền 189.028.327.541 VND tại ngày 01/01/2023 và số tiền 179.168.489.799 VND tại ngày 31/12/2023. Đồng thời chỉ tiêu "Giá vốn hàng bán" (Mã số 11) và "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" (Mã số 50) trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 và năm 2023 phản ánh thấp hơn cùng số tiền 9.859.837.742 VND.
- Do giới hạn thông tin về hồ sơ liên quan đến chi phí đầu tư còn chưa được tạm tăng của Dự án Nhà máy sửa chữa tàu biển Nosco - Vinalines (xem tại Thuyết minh số 09) nên chúng tôi cũng chưa thể xác định ảnh hưởng của vấn đề này tới các chỉ tiêu có liên quan trên Báo cáo tài chính đính kèm.
- Tại ngày 31/12/2023, Số dư các khoản Phải thu ngắn hạn của khách hàng với số tiền 47.017.865.560 VND (tương ứng tại ngày 01/01/2023 là 10.626.455.650 VND), Trả trước cho người bán ngắn hạn với số tiền 229.647.788.018 VND (tương ứng tại ngày 01/01/2023 là 218.980.517.387 VND), Phải thu khác ngắn hạn với số tiền 24.011.379.574 VND (tương ứng tại ngày 01/01/2023 là 26.010.149.415 VND), Phải trả người bán ngắn hạn với số tiền 51.383.790.702 VND (tương ứng tại ngày 01/01/2023 là 55.072.461.899 VND), Người mua trả tiền trước ngắn hạn với số tiền 2.023.785.551 VND (tương ứng tại ngày 01/01/2023 là 111.502.942.673 VND), Phải trả ngắn hạn khác với số tiền 12.464.501.355 VND (tương ứng tại ngày 01/01/2023 là 8.463.912.796 VND) và Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn với số tiền 26.064.665.489 VND (tương ứng tại ngày 01/01/2023 là 27.054.965.489 VND) chưa được xác nhận đầy đủ. Với các thông tin hiện có và bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi chưa thể khẳng định được tính hiện hữu, đầy đủ và các điều chỉnh cần thiết (nếu có) của các khoản mục này trên Báo cáo tài chính đính kèm.
- Chúng tôi không thể tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho của Công ty Cổ phần Nosco Shipyard tại thời điểm 31/12/2023 cũng như tại thời điểm 01/01/2023 vì tại thời điểm đó chúng tôi chưa được bổ nhiệm làm kiểm toán. Số dư tiền mặt tại ngày 31/12/2023 và tại ngày 01/01/2023 lần lượt là 450.451.392 VND và 451.344.910 VND, số dư của chỉ tiêu "Hàng tồn kho" (Mã số 141) trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023 và tại ngày 01/01/2023 lần lượt là 29.961.965.717 VND và 21.781.202.179 VND. Do đó, với những thông tin hiện có và bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về tính đầy đủ và hiện hữu của khoản mục trên tại các thời điểm đã được đề cập.

Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về tính hiện hữu, đầy đủ của số dư chỉ tiêu "Chi phí phải trả ngắn hạn" (Mã số 315) trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023 cũng như tại ngày 01/01/2023 với số tiền lần lượt là 64.831.510.362 VND và 76.457.447.037 VND. Do đó, chúng tôi không thể xác định được ảnh hưởng của vấn đề này tới Báo cáo tài chính đính kèm.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nosco Shipyard tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại thời điểm 31/12/2023, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 3.248.775.198.839 VND. Số nợ quá hạn chưa thanh toán bao gồm Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Thuyết minh 13), Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 14), Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Thuyết minh 16), Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh 17) và Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 18) là 3.244.091.783.064 VND. Vốn chủ sở hữu (Mã số 400) tại 31/12/2023 âm là 2.687.233.841.997 VND, Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm và lũy kế âm lần lượt là 228.207.909.217 VND và 3.215.268.680.847 VND. Các vấn đề trên, cùng với các vấn đề được trình bày tại Thuyết minh số 01 - Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 vẫn được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Đỗ Thị Ngọc Dung
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0659-2023-002-1
Hà Nội, ngày 15 tháng 05 năm 2024

Hoàng Đức Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 4876-2024-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		192.620.751.716	139.851.819.206
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		12.778.912.584	13.085.512.823
111	1. Tiền	3	12.778.912.584	13.085.512.823
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		133.126.592.272	89.406.197.007
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	47.017.865.560	10.626.455.650
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	230.558.069.280	218.980.517.387
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	27.888.263.763	26.010.149.415
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(172.529.229.187)	(166.210.925.445)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		191.622.856	-
140	III. Hàng tồn kho		29.961.965.717	21.781.202.179
141	1. Hàng tồn kho	8	29.961.965.717	21.781.202.179
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		16.753.281.143	15.578.907.197
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	8.527.976.120	1.487.460.616
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		8.153.857.108	14.074.589.061
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	71.447.915	16.857.520
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.434.044.278.426	3.490.843.484.141
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	3.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	-	3.000.000
220	II. Tài sản cố định		3.277.099.239.950	3.410.039.176.636
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	3.276.910.039.938	3.409.755.376.628
222	- Nguyên giá		4.510.916.156.937	4.461.125.097.686
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.234.006.116.999)	(1.051.369.721.058)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	189.200.012	283.800.008
228	- Nguyên giá		473.000.000	473.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(283.799.988)	(189.199.992)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		119.902.341.941	72.383.554.162
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	119.902.341.941	72.383.554.162
260	IV. Tài sản dài hạn khác		37.042.696.535	8.417.753.343
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	37.042.696.535	8.417.753.343
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.626.665.030.142	3.630.695.303.347

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		6.313.898.872.139	6.089.721.236.127
310	I. Nợ ngắn hạn		3.441.395.950.555	3.232.695.520.547
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	53.713.221.587	55.072.461.899
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	4.825.597.589	111.502.942.673
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	2.524.666.190	2.024.476.565
314	4. Phải trả người lao động		33.338.908.118	27.629.902.261
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	64.831.510.362	76.457.447.037
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	3.208.148.181.220	2.870.953.324.623
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	71.064.665.489	89.054.965.489
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	19	2.949.200.000	-
330	II. Nợ dài hạn		2.872.502.921.584	2.857.025.715.580
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13	2.872.502.921.584	2.857.025.715.580
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		(2.687.233.841.997)	(2.459.025.932.780)
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	(2.687.233.841.997)	(2.459.025.932.780)
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		528.034.838.850	528.034.838.850
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		528.034.838.850	528.034.838.850
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(3.215.268.680.847)	(2.987.060.771.630)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(2.987.060.771.630)	(2.592.420.257.693)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		(228.207.909.217)	(394.640.513.937)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.626.665.030.142	3.630.695.303.347


Hoàng Thị Thương
Phụ trách kế toán


Lee Sung Woo

Tổng Giám đốc


Quảng Ninh, ngày 15 tháng 05 năm 2024




BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	
			Năm 2023 VND	(Đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	596.906.149.631	596.916.913.422
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	393.410.000	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		596.512.739.631	596.916.913.422
11	4. Giá vốn hàng bán	24	424.773.927.552	611.205.543.260
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		171.738.812.079	(14.288.629.838)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	267.056.742	5.376.462.567
22	7. Chi phí tài chính	26	349.363.506.606	321.593.427.761
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		315.701.675.577	300.529.012.546
25	8. Chi phí bán hàng	27	6.531.379.753	15.707.735.383
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	39.743.710.888	48.869.962.628
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(223.632.728.426)	(395.083.293.043)
31	11. Thu nhập khác	29	791.878.366	1.148.069.601
32	12. Chi phí khác	30	5.367.059.157	705.290.495
40	13. Lợi nhuận khác		(4.575.180.791)	442.779.106
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(228.207.909.217)	(394.640.513.937)
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành		-	-
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		(228.207.909.217)	(394.640.513.937)


Hoàng Thị Thương
Phụ trách kế toán


Lee Sung Woo
Tổng Giám đốc
Quảng Ninh, ngày 15 tháng 05 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	
			Năm 2023 VND	(Đã điều chỉnh) VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(228.207.909.217)	(394.640.513.937)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		183.372.393.038	177.843.852.094
03	- Các khoản dự phòng		9.267.503.742	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		33.317.628.674	17.717.299.093
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư		(173.307.984)	(5.439.161)
06	- Chi phí lãi vay		315.701.675.577	300.529.012.546
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		313.277.983.830	101.444.210.635
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu		(72.611.278.555)	(44.929.928.223)
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho		(8.180.763.538)	(6.934.933.208)
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		(114.431.035.306)	81.846.637.167
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước		(35.665.458.696)	(326.108.191)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		82.389.447.735	131.099.878.180
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(64.876.416.308)	(50.013.580.748)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		167.250.903	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6.057.081	5.439.161
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(64.703.108.324)	(50.008.141.587)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		-	62.000.000.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(17.990.300.000)	(146.816.640.668)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(17.990.300.000)	(84.816.640.668)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(303.960.589)	(3.724.904.075)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		13.085.512.823	16.961.636.906
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(2.639.650)	(151.220.008)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	12.778.912.584	13.085.512.823



Hoàng Thị Thương
Phụ trách kế toán



Lee Sung Woo
Tổng Giám đốc
Quảng Ninh, ngày 15 tháng 05 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2023

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nosco Shipyard được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5701302368 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 13 tháng 08 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ mười sáu ngày 11 tháng 03 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty tại: Thôn 4, xã Tiên Phong, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là 528.034.830.000 VND, tương đương 52.803.483 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 547 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là: 609 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh là Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác); Đóng tàu và cấu kết nổi; Sửa chữa máy móc thiết bị; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;...

Hoạt động liên tục

Tại thời điểm 31/12/2023, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 3.248.775.198.839 VND. Số nợ quá hạn chưa thanh toán bao gồm Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Thuyết minh 13), Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 14), Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Thuyết minh 16), Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh 17) và Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 18) là 3.244.091.783.064 VND. Vốn chủ sở hữu (Mã số 400) tại 31/12/2023 âm là 2.687.233.841.997 VND, Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm và lũy kế âm lần lượt là 228.207.909.217 VND và 3.215.268.680.847 VND.

Tuy nhiên, Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2023 đang dương, đồng thời qua các đánh giá về kết quả hoạt động kinh doanh thực tế của Công ty cũng như các phân tích dự báo về hoạt động của Công ty trong thời gian tới, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty sẽ đạt được lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và tiếp tục nhận được sự hỗ trợ từ nhà đầu tư để thanh toán các cam kết khi đến hạn và có thể tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường. Do đó, Báo cáo tài chính này được lập dựa trên cơ sở giả định về hoạt động liên tục.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Thời gian phân bổ chi phí trả trước;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.5 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	10 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	04 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	05 - 10 năm
- Các tài sản khác	05 - 10 năm

2.9 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.10 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Chi phí sửa chữa sản nâng được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng 01 năm.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.13 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí đã phát sinh nhưng chưa nhận được hoá đơn, chi phí thuê nhà thầu phụ sửa chữa tàu, chi phí lãi tiền vay phải trả, ... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.19 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là giảm giá hàng bán.

Các khoản giảm giá hàng bán phát sinh cùng năm tiêu thụ dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.20 . Giá vốn dịch vụ cung cấp

Giá vốn dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái, ...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.23 . Thông tin bộ phận

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sửa chữa tàu biển trong lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	450.451.392	451.344.910
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.328.461.192	12.634.167.913
	<u>12.778.912.584</u>	<u>13.085.512.823</u>

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023 (Đã điều chỉnh)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	-	-	3.014.109.399	-
- Công ty Cổ phần Vận tải biển và Thương mại Phương Đông	-	-	3.014.109.399	-
Bên khác	47.017.865.560	(199.413.022)	7.612.346.251	-
- Công ty TNHH Vận tải Dầu khí Phương Đông	11.145.157.183	-	-	-
- Công ty TNHH Vận tải Dầu khí Hà Trang	10.884.662.831	-	-	-
- Công ty TNHH Vận tải Dầu khí Sao Việt	6.118.617.072	-	-	-
- Công ty TNHH Vận tải biển và Xuất nhập khẩu HTK	-	-	3.012.125.535	-
- Các khách hàng khác	18.869.428.474	(199.413.022)	4.600.220.716	-
	47.017.865.560	(199.413.022)	10.626.455.650	-

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	5.885.629.667	(5.885.629.667)	5.885.629.667	(5.885.629.667)
- Công ty Cổ phần Vận tải biển và Thương mại Phương Đông	5.885.629.667	(5.885.629.667)	5.885.629.667	(5.885.629.667)
Bên khác	224.672.439.613	(149.814.067.800)	213.094.887.720	(143.695.177.080)
- Shindong Digitech Co.Ltd	88.219.784.952	(88.219.784.952)	88.219.784.952	(88.219.784.952)
- Tổng Công ty Xây dựng Công trình Hàng không ACC	25.330.696.000	(25.330.696.000)	25.330.696.000	(25.330.696.000)
- Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Thành Nam	21.304.395.537	(21.304.395.537)	21.304.395.537	(21.304.395.537)
- Trả trước cho người bán khác	89.817.563.124	(14.959.191.311)	78.240.011.231	(8.840.300.591)
	230.558.069.280	(155.699.697.467)	218.980.517.387	(149.580.806.747)

6 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a. Ngắn hạn				
- Tạm ứng	2.377.605.108	-	2.212.374.949	-
- Ký cược, ký quỹ	2.902.030.000	-	3.066.030.000	-
- Phải thu ngắn hạn khác	22.608.628.655	(16.630.118.698)	20.731.744.466	(16.630.118.698)
Bên liên quan	10.498.392.539	(10.498.392.539)	10.498.392.539	(10.498.392.539)
+ Công ty Cổ phần Vận tải biển và Thương mại Phương Đông (i)	10.498.392.539	(10.498.392.539)	10.498.392.539	(10.498.392.539)
Bên khác	12.110.236.116	(6.131.726.159)	10.233.351.927	(6.131.726.159)
+ Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải thủy Nosco Quảng Ninh (ii)	1.000.000.000	(1.000.000.000)	1.000.000.000	(1.000.000.000)
+ Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Quảng Yên	1.876.884.189	-	-	-
+ Phải thu nhân viên đã nghỉ việc	5.131.726.159	(5.131.726.159)	5.131.726.159	(5.131.726.159)
+ Các đối tượng khác	4.101.625.768	-	4.101.625.768	-
	27.888.263.763	(16.630.118.698)	26.010.149.415	(16.630.118.698)
b. Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	-	-	3.000.000	-
	-	-	3.000.000	-

(i) Khoản phải thu theo cam kết 3 bên giữa Công ty, Công ty Cổ phần Vận tải biển và Thương mại Phương Đông và Công ty TNHH Bê tông và Xây dựng Minh Đức. Theo đó, Công ty đã trả thay Công ty Cổ phần Vận tải biển và Thương mại Phương Đông khoản vay Công ty TNHH Bê tông và Xây dựng Minh Đức với số tiền 10,5 tỷ VND, số dư tại ngày 31/12/2023 là 10.498.392.539 VND.

(ii) Khoản tiền cho vay theo khế ước vay vốn kiêm giấy nhận nợ số 01/KU'VV/2011 ngày 05/09/2011, thời hạn sử dụng tiền vay và lãi suất không được ghi trong hợp đồng. Khoản vay được thanh toán khi bên cho vay báo trước 10 đến 15 ngày theo thỏa thuận. Thời điểm hiện tại, Công ty này đã ngừng hoạt động.

7 . NỢ XẤU

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	398.826.044	199.413.022	-	-
- Công ty Cổ phần Dầu khí Fgas	141.866.044	70.933.022	-	-
- Seatrans Management Enterprises Inc	256.960.000	128.480.000	-	-

7 . NỢ XẤU (tiếp theo)

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khác	16.630.118.698	-	16.630.118.698	-
- Công ty Cổ phần Vận tải biển và Thương mại Phương Đông	10.498.392.539	-	10.498.392.539	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải thủy Nosco Quảng Ninh	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
- Phải thu nhân viên đã nghỉ việc	5.131.726.159	-	5.131.726.159	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	160.120.840.167	4.421.142.700	151.278.554.767	1.697.748.020
- Shindong Digitech Co,Ltd	88.219.784.952	-	88.219.784.952	-
- Tổng Công ty Xây dựng Công trình Hàng không ACC	25.330.696.000	-	25.330.696.000	-
- Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Thành	21.304.395.537	-	21.304.395.537	-
- Các đối tượng khác	25.265.963.678	4.421.142.700	16.423.678.278	1.697.748.020
	177.149.784.909	4.620.555.722	167.908.673.465	1.697.748.020

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	(Đã điều chỉnh) VND
- Nguyên liệu, vật liệu	12.924.870.257	15.032.676.443
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	17.037.095.460	6.746.805.294
+ <i>Chi phí sửa chữa tàu</i>	17.037.095.460	6.746.805.294
- Hàng hóa	-	1.720.442
	29.961.965.717	21.781.202.179

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Mua sắm TSCĐ	13.917.933.687	696.653.531
- Xây dựng cơ bản	105.984.408.254	71.686.900.631
+ <i>Dự án Nhà máy sửa chữa tàu biển Nosco - Vinalines (i)</i>	67.381.213.350	65.131.715.139
+ <i>Dự án Thi công sân nền khu Sản xuất (ii)</i>	10.635.273.896	-
+ <i>Dự án Hào công nghệ (ii)</i>	7.913.862.011	-
+ <i>Các dự án khác</i>	20.054.058.997	6.555.185.492
	119.902.341.941	72.383.554.162

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG (tiếp theo)

(i) Dự án Nhà máy sửa chữa tàu biển Nosco - Vinalines đầu tư theo giấy chứng nhận đầu tư số 22.121.000.12 cấp lần đầu ngày 26/11/2009 và lần thứ hai ngày 31/10/2011 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc đầu tư Dự án Xây dựng Nhà máy sửa chữa tàu biển Nosco - Vinalines, tỉnh Quảng Ninh. Tổng mức vốn đầu tư của dự án là 5.400.377 triệu VND theo hình thức huy động vốn tự có và vốn vay thương mại; Thời gian thực hiện dự án là 50 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư. Dự án được tiến hành theo các giai đoạn:

- Giai đoạn 01 đến năm 2015 với tổng vốn đầu tư 4.199.742 triệu VND, đầu tư xây dựng sàn nâng tàu đảm bảo nâng hạ tàu đến 70.000 DWT với 7 bệ sửa chữa cho tàu từ 30.000 DWT – 70.000 DWT, 01 cầu tàu 70.000 DWT, sàn lắp mặt bằng nhà máy, các phân xưởng, hạng mục công trình đường bãi, công trình phụ trợ và các thiết bị thiết yếu để vận hành nhà máy sửa chữa tàu thủy, sửa chữa tàu biển có trọng tải đến 70.000 DWT, công suất khoảng 95 – 100 lượt chiếc/năm.
- Giai đoạn 2 từ 2015 – 2020: Tổng mức đầu tư 1.200.000 triệu VND. Bổ sung 01 cầu cảng 30.000 DWT, 03 bến phao neo tàu từ 30.000 DWT – 50.000 DWT, hoàn thiện hệ thống kho, xưởng, đường, bãi... Công suất nhà máy dự kiến đạt 120 lượt chiếc/năm.
- Giai đoạn hoàn thiện: Bổ sung 2 bệ, nâng tổng số bệ sửa chữa tại nhà máy bên 9 bệ, hệ thống kho xưởng, công trình đường bãi trong đê và hoàn thiện trang thiết bị công nghệ. Công suất nhà máy lên khoảng 150 đến 180 lượt chiếc/năm.

Tại ngày 01/01/2017, Giai đoạn 1 của Dự án đi vào hoạt động và Công ty đã tạm tăng toàn bộ tài sản giai đoạn 1 với giá trị 4.404.558.455.413 VND. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chưa tạm tăng tài sản tại 31/12/2023 bao gồm:

- Số tiền 63.741.344.769 VND là chi phí thuế nhập khẩu và chi phí lưu kho bãi thiết bị nhập khẩu cho nhà máy giai đoạn 1, Công ty chưa có kế hoạch phân bổ các chi phí trên cho phần thiết bị;
- Phần còn lại là chi phí xây dựng nhà máy giai đoạn 2.

(ii) Dự án Thi công sân nền khu Sản xuất và Dự án Hào Công nghệ là các dự án hoàn thiện Giai đoạn 1 của Dự án Nhà máy sửa chữa tàu biển Nosco - Vinalines đã được xây dựng từ năm 2009 và đưa vào khai thác năm 2016. Tổng mức đầu tư của 2 dự án là 33.773.508.907 VND. Dự án được triển khai từ tháng 12 năm 2022 và dự kiến hoàn thành vào tháng 08 năm 2024. Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty đang tiếp tục triển khai hạng mục hào công nghệ và đã thi công đường từ cổng Nhà máy vào đến xưởng X3, bãi bê tông cốt thép xung quanh xưởng X3 và thi công đường bãi quanh xưởng số 1, 2, 3.

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Xem chi tiết Phụ lục 01.

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Phần mềm kế toán FAST có nguyên giá 473.000.000 VND. Giá trị khấu hao lũy kế tại ngày 31/12/2023 là 283.799.988 VND, trong đó giá trị khấu hao trong năm là 94.599.996 VND.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	3.209.943.030	1.487.460.616
- Chi phí nạo vét khu vực thượng lưu nhà máy	2.819.388.000	-
- Chi phí bảo dưỡng xe	2.498.645.090	-
	8.527.976.120	1.487.460.616
Dài hạn		
- Chi phí sửa chữa sàn nâng	29.554.072.078	-
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	7.488.624.457	8.417.753.343
	37.042.696.535	8.417.753.343

13 . VAY

Xem chi tiết Phụ lục 02.

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Bên khác		
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải biển Hải Vân	11.960.540.000	8.198.940.000
- Công ty Cổ phần Cơ khí và Thiết bị công nghiệp Đông Anh	5.704.630.841	-
- Các đối tượng khác	36.048.050.746	46.873.521.899
	53.713.221.587	55.072.461.899
Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
- Công ty TNHH Sơn Trường	1.142.435.272	1.142.435.272
- Công ty TNHH Dịch vụ biển Hải Phong	1.107.096.760	-
- Phải trả các đối tượng khác	7.773.443.615	6.062.156.932
	10.022.975.647	7.204.592.204

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Bên liên quan	419.552.473	-
- Công ty Cổ phần Vận tải biển và Thương mại Phương Đông	419.552.473	-
Bên khác	4.406.045.116	111.502.942.673
- Công ty TNHH vận tải Container Hải An	2.801.812.038	-
- Bernhard Schulte Shipmanagement (India) Private. Ltd.	-	25.180.625.000
- Hangnag Marine Service Co., Ltd	-	22.073.254.295
- Các đối tượng khác	1.604.233.078	64.249.063.378
	4.825.597.589	111.502.942.673

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Xem chi tiết Phụ lục 03.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
- Chi phí đã phát sinh nhưng chưa nhận được hóa đơn	52.724.312.016	68.472.156.068
- Chi phí lãi vay cá nhân	9.715.129.386	7.985.290.969
- Chi phí môi giới	2.392.068.960	-
	64.831.510.362	76.457.447.037
Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
- Lãi vay cá nhân	9.715.129.386	7.985.290.969
	9.715.129.386	7.985.290.969

18 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	2.347.498.556	2.309.448.731
- Bảo hiểm xã hội	806.221.389	744.023.559
- Bảo hiểm y tế	143.691.864	90.952.189
- Bảo hiểm thất nghiệp	63.233.050	523.571
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.828.516.000	1.854.116.000
- Lãi vay cá nhân	1.742.405.120	1.742.405.120
- Lãi vay phải trả ngân hàng VietinBank (*)	3.192.323.035.006	2.862.489.411.827
- Mượn tiền các cá nhân	8.892.906.226	1.698.906.226
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	674.009	23.537.400
	3.208.148.181.220	2.870.953.324.623

18 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC (tiếp theo)

	31/12/2023	01/01/2023 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
- Lãi vay cá nhân	1.742.405.120	1.742.405.120
- Mượn tiền các cá nhân	1.698.906.226	1.698.906.226
- Lãi vay phải trả ngân hàng VietinBank (*)	3.192.323.035.006	2.862.489.411.827
	<u>3.195.764.346.352</u>	<u>2.865.930.723.173</u>

(*) Khoản lãi vay phát sinh từ Hợp đồng vay vốn phục vụ Dự án Nhà máy sửa chữa tàu biển Nosco - Vinalines được tính lũy kế từ thời điểm vay vốn đến thời điểm 31/12/2023. Căn cứ theo văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 08/2018-HĐTD-VBSDDBS07/NHCT126 ngày 29/05/2018 giữa Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa và Công ty, lịch trả nợ lãi vay được phân bổ vào các kỳ thu gốc đến hết thời hạn đáo hạn của khoản vay (25/03/2028). Tại 31/12/2023, khoản nợ vẫn thuộc quyền sở hữu của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và đang được chuyển giao theo hợp đồng mua bán nợ cho Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam.

19 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Dự phòng phải trả chi phí thi hành án	2.949.200.000	-
	<u>2.949.200.000</u>	<u>-</u>

Khoản dự phòng phải trả liên quan tới vụ kiện của Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ ADECO theo Quyết định thi hành án chủ động số 135/QĐ-CCTHADS ngày 03/11/2023 và Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 148/QĐ-CCTHADS ngày 08/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Quảng Yên. Công ty đang tiến hành kháng cáo và được tạm đình chỉ thi hành án theo Quyết định số 04/2024/KN-KDTM ngày 05/04/2024 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội.

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối (Đã điều chỉnh) VND	Cộng (Đã điều chỉnh) VND
Số dư đầu năm trước	528.034.838.850	(2.592.420.257.693)	(2.064.385.418.843)
Lỗi trong năm trước	-	(394.640.513.937)	(394.640.513.937)
Số dư cuối năm trước	<u>528.034.838.850</u>	<u>(2.987.060.771.630)</u>	<u>(2.459.025.932.780)</u>
Lỗi trong năm nay	-	(228.207.909.217)	(228.207.909.217)
Số dư cuối năm nay	<u>528.034.838.850</u>	<u>(3.215.268.680.847)</u>	<u>(2.687.233.841.997)</u>

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2023	Tỷ lệ	01/01/2023	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Ông Nguyễn Lê Dũng	213.879.990.000	41,00	213.879.990.000	41,00
- NVS Holdings Pte.Ltd	127.697.690.000	24,00	127.697.690.000	24,00
- Công ty Cổ phần Vận tải biển và Thương mại Phương Đông	112.275.080.000	21,00	112.275.080.000	21,00
- Các cổ đông khác	74.182.078.850	14,00	74.182.078.850	14,00
	528.034.838.850	100,00	528.034.838.850	100,00

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	528.034.838.850	528.034.838.850
- Vốn góp cuối năm	528.034.838.850	528.034.838.850

d. Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	52.803.483	52.803.483
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	52.803.483	52.803.483
- Cổ phiếu phổ thông	52.803.483	52.803.483
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	52.803.483	52.803.483
- Cổ phiếu phổ thông	52.803.483	52.803.483
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại xã Tiên Phong, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh để sử dụng với mục đích để xây dựng Nhà máy sửa chữa tàu biển từ năm 2009 đến năm 2059. Diện tích khu đất thuê là 1.024.902,5 m2. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	(Đã điều chỉnh) VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ sửa chữa tàu biển	591.293.241.999	593.795.016.065
Doanh thu cho thuê tàu lai đất	5.411.612.903	2.301.901.922
Doanh thu khác	201.294.729	819.995.435
	596.906.149.631	596.916.913.422
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)	24.195.524.727	-

23 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	393.410.000	-
	393.410.000	-

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023	Năm 2022 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ sửa chữa tàu biển	417.708.050.161	605.853.153.141
Giá vốn của dịch vụ cho thuê tàu lai dắt	7.065.877.391	5.352.390.119
	424.773.927.552	611.205.543.260

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi	6.057.081	5.439.161
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	260.999.661	5.371.023.406
	267.056.742	5.376.462.567

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	315.701.675.577	300.529.012.546
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	344.202.355	3.347.116.122
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối năm	33.317.628.674	17.717.299.093
	349.363.506.606	321.593.427.761

27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2023	Năm 2022 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Phí môi giới	6.087.866.321	11.844.329.810
Chi phí khác	443.513.432	3.863.405.573
	6.531.379.753	15.707.735.383

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.039.238	9.025.151
Chi phí nhân công	9.668.368.369	11.167.983.529
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	1.804.726.004	2.035.125.665
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.073.838.993	13.841.011.380
Thuế, phí, và lệ phí	3.000.000	1.351.943.419
Trích lập dự phòng	6.318.303.742	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.953.213.522	6.353.311.541
Chi phí khác bằng tiền	2.918.221.020	14.111.561.943
	39.743.710.888	48.869.962.628

29 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tiền phạt, tiền bồi thường thu được	88.100.000	249.427.835
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	167.250.903	-
Thu nhập khác	536.527.463	898.641.766
	791.878.366	1.148.069.601

30 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí thi hành án (Thuyết minh 19)	2.949.200.000	-
Chi phí bồi thường	1.549.000.000	-
Chi phí khác	868.859.157	705.290.495
	5.367.059.157	705.290.495

31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Vận tải biển và Thương mại Phương Đông	Cổ đông lớn

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
- Công ty Cổ phần Vận tải biển và Thương mại Phương Đông	24.195.524.727	-
	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt		
- Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và HĐQT	3.437.440.603	1.336.261.584
- Thu nhập của Ban Kiểm soát	60.000.000	60.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

33 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu trên	Số liệu	Chênh lệch	Ghi chú
		Báo cáo tài chính năm trước	điều chỉnh lại		
		VND	VND	VND	
a. Bảng cân đối kế toán					
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7.872.335.650	10.626.455.650	2.754.120.000	(1)
- Hàng tồn kho	141	22.238.218.266	21.781.202.179	(457.016.087)	(1)
- Chi phí phải trả ngắn hạn	315	117.720.581.719	76.457.447.037	(41.263.134.682)	(2)
- Phải trả ngắn hạn khác	319	309.217.434.527	2.870.953.324.623	2.561.735.890.096	(3)
- Phải trả dài hạn khác	337	2.561.735.890.096	-	(2.561.735.890.096)	(3)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b	(438.200.752.532)	(394.640.513.937)	43.560.238.595	(1);(2)
b. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh					
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25	594.162.793.422	596.916.913.422	2.754.120.000	(1)
- Giá vốn hàng bán	25	610.748.527.173	611.205.543.260	457.016.087	(1)
- Chi phí bán hàng	25	56.970.870.065	15.707.735.383	(41.263.134.682)	(2)
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	319	(438.200.752.532)	(394.640.513.937)	43.560.238.595	(1);(2)
c. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ					
- Lợi nhuận trước thuế	01	(438.200.752.532)	(394.640.513.937)	43.560.238.595	(1);(2)
- Tăng/giảm các khoản phải thu	09	(42.175.808.223)	(44.929.928.223)	(2.754.120.000)	(1)
- Tăng/giảm hàng tồn kho	10	(7.391.949.295)	(6.934.933.208)	457.016.087	(1)
- Tăng/giảm các khoản phải trả	11	166.756.005.960	81.846.637.167	(84.909.368.793)	(2);(3)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(43.646.234.111)	-	43.646.234.111	(3)

Nguyên nhân thực hiện điều chỉnh do:

- (1) Công ty điều chỉnh hồi tố doanh thu và giá vốn dịch vụ sửa chữa tàu ASENA;
- (2) Công ty điều chỉnh hồi tố chi phí hoa hồng;
- (3) Công ty phân loại lại lãi vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.



Hoàng Thị Thương
Phụ trách kế toán



Lee Sung Woo
Tổng Giám đốc
Quảng Ninh, ngày 15 tháng 05 năm 2024

Công ty Cổ phần Nosco Shipyard

Thôn 4, xã Tiên Phong, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Phụ lục 01 : TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	2.126.071.716.836	2.022.233.367.102	306.386.233.119	1.548.633.930	4.885.146.699	4.461.125.097.686
- Mua trong năm	-	11.698.224.883	23.793.594.940	259.280.000	472.665.352	36.223.765.175
- Đầu tư XDCB hoàn thành	14.208.691.177	-	-	-	-	14.208.691.177
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(641.397.101)	-	-	(641.397.101)
Số dư cuối năm	2.140.280.408.013	2.033.931.591.985	329.538.430.958	1.807.913.930	5.357.812.051	4.510.916.156.937
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	510.834.596.475	432.251.116.880	106.183.207.756	1.172.987.261	927.812.686	1.051.369.721.058
- Khấu hao trong năm	149.654.540.419	12.859.222.288	19.451.697.974	342.345.661	969.986.700	183.277.793.042
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(641.397.101)	-	-	(641.397.101)
Số dư cuối năm	660.489.136.894	445.110.339.168	124.993.508.629	1.515.332.922	1.897.799.386	1.234.006.116.999
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	1.615.237.120.361	1.589.982.250.222	200.203.025.363	375.646.669	3.957.334.013	3.409.755.376.628
Tại ngày cuối năm	1.479.791.271.119	1.588.821.252.817	204.544.922.329	292.581.008	3.460.012.665	3.276.910.039.938

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 3.194.189.557.405 VND (Thuyết minh 13);

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.301.610.439 VND.

Phụ lục 02 : VAY

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Giá trị	VND	Tăng	Giảm	Giá trị	VND
a. Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn (*)	27.054.965.489		-	990.300.000		26.064.665.489
- Công ty Cổ phần Vận tải biển và Thương mại Phương Đông	695.000.000		-	-		695.000.000
- Vay cá nhân	26.359.965.489		-	990.300.000		25.369.665.489
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	62.000.000.000		-	17.000.000.000		45.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (**)	62.000.000.000		-	17.000.000.000		45.000.000.000
	89.054.965.489			17.990.300.000		71.064.665.489
b. Vay dài hạn						
Vay dài hạn	2.919.025.715.580		15.477.206.004	17.000.000.000		2.917.502.921.584
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (**)	2.919.025.715.580		15.477.206.004	17.000.000.000		2.917.502.921.584
	(62.000.000.000)		-	(17.000.000.000)		(45.000.000.000)
	2.857.025.715.580					2.872.502.921.584

Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng

Khoản đến hạn trả sau 12 tháng

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(*) Các khoản vay ngắn hạn theo các khế ước kiểm giáy nhận nợ, mục đích vay để phục vụ sản xuất kinh doanh của công ty; Lãi suất vay được quy định trên từng hợp đồng vay cụ thể; thời hạn vay do thỏa thuận của các bên.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

(**) Khoản vay theo hợp đồng số 01/2009/Vietinbank - NoscoVinalines, mục đích vay để thanh toán chi phí đầu tư xây dựng Nhà máy Sửa chữa tàu biển Nosco - Vinalines, tài sản đảm bảo khoản vay (Thuyết minh 10) gồm có:
 - Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai;
 - Máy móc thiết bị, các động sản và các quyền tài sản khác;
 - Tài sản gắn liền trên đất và lợi thế khai thác BĐS;
 - Cổ phần của các cổ đông sáng lập và một số cổ đông có liên quan.

Tại ngày 31/12/2023, số dư gốc vay bao gồm 2.349.035.618.378 VND vay bằng Đồng Việt Nam và 568.467.303.206 VND vay bằng Đô la Mỹ (tương đương 23.273.993,99 USD), lãi suất khoản vay bằng Đồng Việt Nam là 10,5% /năm, lãi suất khoản vay bằng Đô la Mỹ là 7%/năm. Thời hạn vay đến 25/03/2028. Khoản nợ vẫn thuộc quyền sở hữu của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và đang được chuyển giao theo hợp đồng mua bán nợ cho Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam, do đó Công ty không tiếp tục phân loại lại vay dài hạn đến hạn trả tại ngày 31/12/2023.

Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác đã được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cảm có/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

Phụ lục 02 : VAY (tiếp theo)

c. Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

	31/12/2023		01/01/2023	
	Gốc VND	Lãi VND	Gốc VND	Lãi VND
- Công ty Cổ phần Vận tải biển và Thương mại Phương Đông	695.000.000	10.598.750	695.000.000	10.598.750
- Vay cá nhân	25.369.665.489	11.457.534.506	26.359.965.489	8.468.441.452
	26.064.665.489	11.468.133.256	27.054.965.489	8.479.040.202

d. Các khoản vay đối với các bên liên quan

	31/12/2023		01/01/2023	
	Gốc VND	Lãi VND	Gốc VND	Lãi VND
Mối quan hệ				
- Công ty Cổ phần Vận tải biển và Thương mại Phương Đông	695.000.000	10.598.750	695.000.000	10.598.750
	695.000.000	10.598.750	695.000.000	10.598.750

Công ty Cổ phần Nosco Shipyard

Thôn 4, xã Tiên Phong, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023**Phụ lục 03 : THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Số phải thu VND	Số phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã thực nộp VND	Số phải thu VND	Số phải nộp VND
- Thuế Giá trị gia tăng	16.857.520	-	586.276.300	569.418.780	-	-
- Thuế Xuất khẩu, nhập khẩu	-	-	106.716.922	106.716.922	-	-
- Thuế Thu nhập cá nhân	-	56.718.264	1.884.203.929	2.012.370.108	71.447.915	-
- Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	991.594.539	991.594.539	-	-
- Các loại thuế khác	-	1.967.758.301	556.907.889	-	-	2.524.666.190
	16.857.520	2.024.476.565	4.125.699.579	3.680.100.349	71.447.915	2.524.666.190

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

31/12/2023	01/01/2023
VND	VND

Số nợ quá hạn chưa thanh toán

- Các loại thuế khác

2.524.666.190 1.967.758.301

2.524.666.190 **1.967.758.301**



**CÔNG TY CỔ PHẦN
NOSCO SHIPYARD**

Số: 15.06 /TTr-ĐHĐCĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Quảng Ninh, ngày 15 tháng 05 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty năm 2024

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Nosco Shipyard

Ban Kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2024 việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính (BCTC) năm 2024 của Công ty như sau:

1. Đề xuất về tiêu thức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập

Ban Kiểm soát Công ty đề xuất với Đại hội đồng cổ đông Công ty các tiêu thức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập như sau:

(i) Chọn đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín được phép hoạt động tại Việt Nam, được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận việc thực hiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán;

(ii) Là đơn vị có đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao, nhiều kinh nghiệm kiểm toán BCTC trong lĩnh vực ngành sửa chữa tàu biển;

(iii) Không xung đột quyền lợi khi thực hiện kiểm toán BCTC cho Công ty (việc kiểm toán BCTC phải độc lập với việc tư vấn lập BCTC);

(iv) Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty CP Nosco Shipyard yêu cầu.

2. Đề xuất các đơn vị kiểm toán độc lập

Với các tiêu thức lựa chọn đã nêu tại Mục 1, Ban Kiểm soát Công ty đề xuất 05 (năm) đơn vị kiểm toán để đưa vào danh sách lựa chọn việc cung cấp dịch vụ kiểm toán BCTC trong năm tài chính 2024 của Công ty như sau:

- Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC;
- Công ty TNHH kiểm toán và Tư vấn A&C;

- Công ty TNHH kiểm toán và Tư vấn UHY;
- Công ty TNHH kiểm toán TTP.
- Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam.

3. Ý kiến của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024:

(1) Thông qua các tiêu thức lựa chọn và danh sách 05 (năm) Công ty kiểm toán độc lập nêu trên để làm căn cứ lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán BCTC năm 2024.

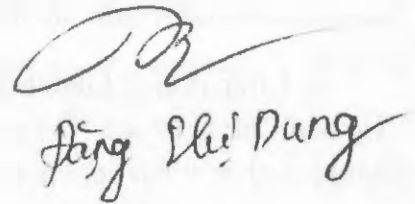
(2) Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn một trong số các công ty kiểm toán theo đề xuất của Ban Kiểm soát Công ty và giao cho Tổng giám đốc Công ty ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán BCTC năm 2024 của Công ty CP Nosco Shipyard.

Trân trọng,

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT Công ty (để p/h);
- TGD Công ty (để biết);
- Lưu: BKS, K_(03b)

**TM. BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY
TRƯỞNG BAN**



Trương Chí Dũng

Số: 25.04/2024/TT-HĐQT

Quảng Ninh, ngày 25 tháng 4 năm 2024

TỜ TRÌNH
PHÊ DUYỆT QUỸ THÙ LAO THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN BKS
CÔNG TY CP NOSCO SHIPYARD NĂM 2024

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN NOSCO SHIPYARD

Căn cứ :

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Nosco Shipyards;
- Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Nosco Shipyards năm 2024

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nosco Shipyards kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua về mức thù lao của thành viên HĐQT và thành viên BKS năm 2024 như sau:

I - Tổng hợp thực hiện thù lao thành viên HĐQT, thành viên BKS năm 2023

Căn cứ quỹ thù lao thành viên HĐQT, thành viên BKS được ĐHCĐ phê duyệt ngày 31/03/2023, Công ty đã tiến hành chi trả thù lao thành viên HĐQT, thành viên BKS năm 2023 như sau:

Bảng 1: Tổng hợp thù lao thành viên HĐQT, thành viên BKS năm 2023

STT	Họ và tên	Chức danh	Mức thù lao/tháng (VNĐ)	Số tháng hưởng thù lao	Tổng tiền thù lao (VNĐ)
1.	Ông Vũ Mạnh Tùng	CT. HĐQT	30,000,000	12	360,000,000
2.	Ông Lê Thế Việt	TV HĐQT	2,000,000	12	24,000,000
3.	Bà Lương Thị Sinh	TV HĐQT	2,000,000	1	2,000,000
4.	Ông Vương Ngọc Thành (đã miễn nhiệm)	TV HĐQT	2,000,000	8	16,000,000
5.	Ông Phạm Văn Tường (đã miễn nhiệm)	PCT.HĐQT	2,000,000	3	6,000,000
6.	Bà Nguyễn Kim Thúy (đã miễn nhiệm)	TV HĐQT	2,000,000	3	6,000,000
7.	Bà Đặng Thị Dung	Trưởng ban	3,000,000	12	36,000,000
8.	Ông Phạm Mạnh Tiến	TV BKS	2,000,000	12	24,000,000
9.	Bà Ngô Thùy Linh	TV BKS	2,000,000	12	24,000,000
	Tổng cộng:				498,000,000

Số tiền thù lao đã chi trả: 498.000.000 đồng (đã chi trả hết)

II - Đề nghị Quỹ thù lao thành viên HĐQT, thành viên BKS năm 2024:

Năm 2024, Công ty dự kiến Quỹ thù lao và các mức thù lao đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua như sau:

1. Mức thù lao thành viên HĐQT

- Thù lao Chủ tịch HĐQT chuyên trách: 30.000.000đ/tháng
- Thù lao thành viên HĐQT không chuyên trách (02 người) : 2.000.000đ/tháng

2. Mức thù lao thành viên Ban kiểm soát:

- Thù lao Trưởng ban kiểm soát: 10.000.000đ/tháng
- Thù lao thành viên BKS (02 người): 2.000.000đ/tháng

3. Tổng quỹ thù lao thành viên HĐQT, BKS năm 2024:

Tổng Quỹ thù lao: 576.000.000 đ

Trong đó:

- + Quỹ thù lao thành viên HĐQT: 408.000.000 đ
- + Quỹ thù lao thành viên BKS: 168.000.000 đ

Kính trình ĐHĐCĐ thường niên 2024 xem xét, phê duyệt.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2024;
- HĐQT, BKS;
- Lưu HC -NS./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Vũ Mạnh Tùng

Số: 11.04/2024/TTr-CTHDQT

Quảng Ninh, ngày 11 tháng 04 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v: Miễn nhiệm thành viên BKS và bầu bổ sung thành viên BKS

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nosco Shipyards ("Công ty") kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty xem xét, thảo luận và biểu quyết về các nội dung sau đây:

Bà Đặng Thị Dung là thành viên BKS, theo Nghị quyết 10-06/2022/NQ-HĐQT ngày 10/06/2022. Do bận việc cá nhân trong thời gian tới nên bà Đặng Thị Dung đã tự nguyện có đơn từ nhiệm (kèm theo Tờ trình này).

Đồng thời, bà Lương Thị Sinh – đại diện theo ủy quyền của cổ đông Nguyễn Lê Dũng của Công ty đã có văn bản đề cử bà Hoàng Phương Nga để ĐHĐCĐ bầu làm thành viên BKS thay thế bà Đặng Thị Dung (Thông tin ứng viên Hoàng Phương Nga kèm theo Tờ trình này).

Do đó, Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua:

- Miễn nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2019-2024 đối với bà Đặng Thị Dung (Thành viên BKS);
- Bầu bà Hoàng Phương Nga làm thành viên BKS nhiệm kỳ 2019-2024.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên năm 2024;
- Lưu VP./.



Vũ Mạnh Tùng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN TỪ NHIỆM

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Nosco Shipyard
Đồng Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nosco Shipyard

Tôi là: **ĐẶNG THỊ DUNG**

CCCD số: 034181002119 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 24/04/2021.

Nơi đăng ký HKTT: Phòng 2512, chung cư Rainbow, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội.

Tôi đã được bầu làm thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2019-2024 của Công ty cổ phần Nosco Shipyard (“**Công ty**”) theo Nghị quyết số 10-06/2022/NQ-ĐHĐCĐ tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường của Công ty ngày 10/06/2022.

Nay, vì lý do cá nhân nên tôi không thể sắp xếp thực hiện các công việc của Ban Kiểm soát. Do đó, bằng văn bản này, tôi xin được thôi đảm nhiệm chức vụ thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2019-2024 của Công ty. Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty xem xét thông qua.

Quyết định từ nhiệm của tôi là hoàn toàn tự nguyện, tôi sẽ không có bất kỳ khiếu nại nào đối với Công ty cổ phần Nosco Shipyard liên quan đến việc từ nhiệm này.

Trân trọng cảm ơn.

Hà Nội, ngày 01 tháng 04 năm 2024

ĐẶNG THỊ DUNG

**THÔNG BÁO VỀ VIỆC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2019-2024
CÔNG TY CỔ PHẦN NOSCO SHIPYARD**

Kính gửi: Quý Cổ đông

Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty Cổ phần Nosco Shipyards trân trọng thông báo đến Quý Cổ đông về việc đề cử, ứng cử bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát (“BKS”) nhiệm kỳ 2019 - 2024 như sau:

1. Số lượng thành viên BKS bầu bổ sung: 01 (một) thành viên
2. Điều kiện đề cử, ứng cử bổ sung thành viên BKS: theo quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty cổ phần Nosco Shipyards.

3. Hồ sơ ứng cử, đề cử thành viên BKS:

- Văn bản đề cử, ứng cử (theo mẫu đính kèm)
- Sơ yếu lý lịch (theo mẫu đính kèm)
- Bản cam kết của ứng viên (theo mẫu đính kèm)
- Bản sao có chứng thực CMND/CCCD/Hộ chiếu, các văn bằng chứng chỉ chứng minh trình độ chuyên môn của ứng cử viên. Trường hợp văn bằng, chứng chỉ do nước ngoài cấp phải dịch sang tiếng Việt và có chứng thực.

4. Gửi Hồ sơ đề cử, ứng cử:

Hồ sơ ứng cử, đề cử thành viên BKS được lập thành 01 (một) bộ chính, được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện dưới hình thức đảm bảo về Công ty theo địa chỉ:

Phòng Pháp chế - Công ty cổ phần Nosco Shipyards

Địa chỉ: Thôn 4, Xã Tiên Phong, Thị xã Quảng Yên, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Thời hạn nộp hồ sơ: **trước 17h ngày 05/06/2024**

Quý cổ đông lưu ý: Người ứng cử, được đề cử bổ sung tham gia thành viên BKS phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác và trung thực của tài liệu, thông tin cung cấp.

Trân trọng!



Vũ Mạnh Tùng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

....., ngày tháng năm 2024



**BẢN CAM KẾT CỦA ỨNG VIÊN
BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
Nhiệm kỳ: 2019-2024**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Nosco Shipyard

Tôi là (Số CMND/CCCD: do
cấp ngày; Nơi đăng ký HKTT:),
được đề cử để Đại hội đồng cổ đông bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát Công ty
nhiệm kỳ 2019-2024.

Bằng văn bản này, tôi cam kết:

1. Các thông tin cá nhân của tôi kê khai trong Bản lý lịch kèm theo là trung thực, chính xác và hợp lý;
2. Thực hiện nhiệm vụ, trách nhiệm thành viên Ban kiểm soát một cách trung thực theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ Công ty nếu được Đại hội đồng cổ đông của Công ty bầu làm thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2019-2024;
3. Đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Điều lệ Công ty.

Bản cam kết này được lập thành 01(một) bản gốc gửi kèm theo Bản lý lịch của ứng viên và văn bản đề cử ứng viên bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Nosco Shipyard nhiệm kỳ 2019-2024.

Người cam kết

(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----o0o-----

....., ngày... tháng..... năm 2024

GIẤY ỦY QUYỀN

**BAN TỔ CHỨC ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CP NOSCO SHIPYARD**



Kính gửi:

Tên cổ đông:.....
Số CMND/CCCD/GCN ĐKKD :, ngày cấp.....,
nơi cấp :,
Địa chỉ :,
Tổng số cổ phần sở hữu :,
(Bằng chữ :,)
(Sau đây gọi là "**Bên ủy quyền**")

ĐỒNG Ý ỦY QUYỀN CHO

Ông (bà)
Số CMND/CCCD....., ngày cấp....., nơi cấp.....
Địa chỉ.....
Số cổ phần ủy quyền:.....
(Bằng chữ.....)
(Sau đây gọi tắt là "**Bên được ủy quyền**")

Thay mặt **Bên ủy quyền** thực hiện các công việc sau với tư cách là đại diện cho số cổ phần ủy quyền nêu trên:

- Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024;
- Phát biểu ý kiến về các vấn đề thảo luận tại cuộc họp;
- Biểu quyết toàn bộ các vấn đề được đưa ra trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
(*Trường hợp chỉ ủy quyền thông qua một số vấn đề, vui lòng ghi rõ nội dung*)
- Ký kết các giấy tờ cần thiết.

Bên được ủy quyền có nghĩa vụ thực hiện đúng nội dung quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông, không được ủy quyền lại cho Bên thứ ba và có trách nhiệm thông báo lại kết quả Đại hội đồng cổ đông cho Bên ủy quyền.

Thời hạn ủy quyền từ ngày ký đến khi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông kết thúc hoặc thay thế bằng văn bản hủy bỏ việc ủy quyền gửi đến Ban tổ chức trước giờ khai mạc.



Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty CP Nosco Shipyard, được lập thành 02 (hai) bản, mỗi bên giữ một bản và có giá trị pháp lý như nhau.

Bên ủy quyền cam kết chịu trách nhiệm về mọi hành vi của Bên được ủy quyền trong phạm vi công việc nêu trên.

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên)

BÊN ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Lưu ý: Các giấy ủy quyền được lập không theo mẫu này cũng sẽ được chấp nhận nếu có đủ nội dung ủy quyền của cổ đông theo quy định tại khoản 2, điều 144 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.





SƠ YẾU LÝ LỊCH
CỦA ỨNG CỬ VIÊN BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
NHIỆM KỲ 2019-2024
CÔNG TY CỔ PHẦN NOSCO SHIPYARD

- Bổ sung ảnh chân dung
1. Họ tên:
 2. Quốc tịch: Việt Nam
 3. Nghề nghiệp:
 4. Ngày, tháng, năm sinh: ...
 5. Trình độ học vấn:
 6. Trình độ chuyên môn:.....

STT	Bằng cấp	Tổ chức cấp bằng/chứng chỉ	Thời gian cấp bằng/chứng chỉ
1			

7. Quá trình công tác:

Thời gian	Tên cơ quan đơn vị công tác	Vị trí công việc đảm nhận

8. Kinh nghiệm công việc:

9. Năng lực:

10. Thông tin liên hệ:

- Điện thoại:

- Email:

Tôi xin cam đoan và cam kết:

- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2, điều 17 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Thực hiện nhiệm vụ của thành viên Ban kiểm soát một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát;
- Những thông tin nêu trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Quảng Ninh, ngày tháng ... năm
2024

Người khai